

THIÊN-CƠ HUYỀN-BÍ

TẠO-LẬP VŨ-TRỤ

và

SANH-HÓA MUÔN LOÀI VẠN-VẬT

Giải theo khoa-học



TỬ-VI VÀ Y-LÝ ĐÔNG-PHƯƠNG

VỀ Y-LÝ ĐÔNG-PHƯƠNG.— Phân tích cơ-thể con người từ mạnh mẽ, xương thịt và ngũ tạng, lực phủ làm bằng chất gì. Tại sao đau, tại sao chết. Khi đau phải dùng thuốc gì cho hợp chứng bệnh, và bồi bổ cơ-thể.

TỬ-VI ĐẦU-SỐ.— Giải cho biết sự thịnh suy của một cá nhân, sự hưng vong của một quốc-gia.

Tác-giả : NGUYỄN-VĂN-LƯỢNG

THÔNG-THIỆN ĐỒ, 468/1, Võ-di-Nguy Gia-định

ĐÔI LỜI KHEN TẶNG

Tôi rất ngạc nhiên, khi đọc hết quyển sách « TẠO-LẬP VŨ-TRỤ » của ông Nguyễn-văn-Lượng.

Riêng phần tôi, đứng về mặt y-học Đông-phương, tôi thành thật khen ngợi ông, nhiều công phu, cố-công sưu-tầm và khảo-cứu nên mới viết nổi quyển này, lời dẫn giải tuy vắn tắt mà đầy đủ lại dễ hiểu và đúng lý.

Tôi xin giới thiệu cùng các bạn y-sĩ nên đọc quyển « TẠO-LẬP VŨ-TRỤ » của ông Nguyễn-văn-Lượng để rộng kiến văn về khoa y-học Đông-phương, hoàn toàn là một khoa-học một khoa-học siêu-hình.

ĐỖ - PHONG - THUẦN

Đông y-sĩ

Cựu chủ-tịch liên-đoàn Đông y-sĩ V.N.

27, Huỳnh-tĩnh-Cửa Tân-Định

SAIGON

LỜI NÓI ĐẦU

Từ xưa đến nay, khoa Tử-vi, và khoa Y-lý Đông-phương, vẫn còn ở trong vòng huyền-bí, vì lẽ hai khoa này thuộc về hình nhi-thượng-học, một khoa-học siêu-hình, mà tay phàm không rõ đặng, mắt phàm không thấy nổi, nhưng nó vẫn có, có một cách thiết-thật.

Quyển sách này có lẽ là quyển đầu tiên bằng tiếng Việt, thấu-thập cả ý-nghĩa đại-cương về y-lý Đông-phương và Tử-vi học, rồi tóm tắt lại, trình bày ra đây theo lối khoa-học. Bạn đọc xem đến đâu, thì đều nhận thấy hai khoa nói trên không còn là huyền-bí nữa và hoàn-toàn là khoa-học, một khoa-học siêu-hình.

Về phần Y-lý Đông-phương : Phân-chất cơ-thể con người, từ manh-múng, biết được xương thịt và ngũ-tạng, lục phủ, làm bằng chất gì, tại sao phải đau, khi đau phải uống thuốc gì để cho lành mạnh.

Phân chất : kim-thạch, thảo-mộc và cầm thú, biết được thứ nào thuộc về chất gì. Khi đau ốm biết dùng chất ấy mà trị bệnh và bồi-bổ.

Về khoa Tử-vi : cho biết sự thịnh-suy của một cá-nhơn, sự hưng-vong của một quốc-gia.

Về cá-nhơn : biết trước được lúc nào làm giàu, lúc nào suy-vi, lúc nào làm quan, làm tướng, lúc cưới vợ, lúc sanh con, lúc có tai họa, lúc đau và lúc chết, v.v...

Về quốc-gia : biết được lúc nào có giặc, giặc nổi ở đâu, năm nào và chừng nào hết giặc, v.v...

Sau khi xem hết quyển sách, bạn đọc không còn lấy làm lạ về khoa siêu-hình, vì với cách trình-bày tường-lặn nơi đây, rất rành-rẽ và dễ hiểu, nó không còn là huyền-bí nữa.

Quyển sách này còn giúp cho bạn đọc phá tan bức màn bí-mật về sự tạo-lập vũ-trụ, và sự sanh-hóa muôn loài vạn-vật.

NGUYỄN-VĂN-LƯỢNG

(THÔNG-THIÊN-HỌC)

SỰ TẠO LẬP VŨ-TRỤ

và sanh hóa muôn loài vạn-vật, tất cả đều do sự
biến-chuyển của

THÁI-CỰC — LƯƠNG-NGHI — TỬ-TƯỢNG

Tất cả hành-tính và vạn vật mà được thành hình-thể là
đều do sự cấu-tạo của Âm-dương và Ngũ-hành : Kim, Mộc,
Thủy, Hỏa, Thổ.

Ngũ-hành là nguyên-chất căn-bản làm ra hình-thể của muôn
loài vạn-vật, ngũ-hành có màu sắc và mùi vị như sau đây :

Kim : sắc Trắng, mùi đắng ;

Mộc : sắc Xanh, mùi chua ;

Thủy : sắc Đen, mùi mặn ;

Hỏa : sắc Đỏ, mùi cay ;

Thổ : sắc Vàng, mùi ngọt.

oOo

SỰ TẠO LẬP VŨ-TRỤ

Khởi đầu do Thái-Cực

(l'Absolu — l'Incréé, le Sans Forme, le Chaos)

THÁI-CỰC

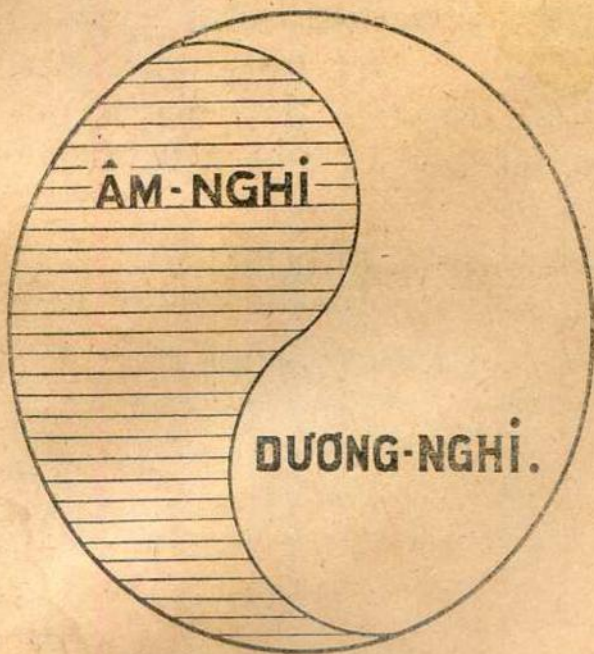
Thuở chưa khai Trời Đất, âm-dương và ngũ-hành còn
hỗn-độn, chưa phân định. Khởi hỗn-độn ấy gọi là Thái-Cực.
Đến chừng âm-dương phân định do ý-chí của Đấng Thượng-
Đế (âm-dương và ngũ-hành thứ nào rút về thứ nấy, thành
khối) : âm rút về âm, dương rút về dương, kim theo kim,
mộc theo mộc, v.v...

Bấy giờ Thái-Cực mới phân ra làm hai gọi là Lưỡng-Nghi : Âm-Nghi và Dương-Nghi.

Thái-Cực phân lưỡng-nghi, tức là sanh-hóa các hành-tinh và địa-cầu.

LƯƠNG - NGHI

Tất cả hành-tinh đều chia ra làm hai Khối như dưới đây :



Âm-nghi

gồm có :

- Âm Kim-tinh
- Âm Mộc-tinh
- Âm Thủy-tinh
- Âm Hỏa-tinh
- Âm Thổ-tinh

Dương-nghi

gồm có :

- Dương Kim-tinh
- Dương Mộc-tinh
- Dương Thủy-tinh
- Dương Hỏa-tinh
- Dương Thổ-tinh

CÁCH SANH-HÓA MẶT TRỜI

Do sự cấu-tạo y như cách nói trên đây, chất Dương-Hỏa của một đại vũ-trụ (Grand Univers) khối lại thành Mặt Trời, chỉ nên sách Tàu gọi Mặt Trời là Thái-Dương Hỏa-Tinh.

CÁCH SANH-HÓA MẶT-TRĂNG

Chất Âm-Thổ, cấu kết lại khối thành Mặt-Trăng, chi nên sách Tàu gọi Mặt-Trăng là Thái-Âm Thổ-Tinh.

SỰ TÍCH CỦA MẶT-TRĂNG

Mặt-Trăng xưa kia là một bầu Trái-Đất của Dây Nguyệt-Cầu (1) có đủ muôn loài vạn-vật ở trên đó. Sau cuộc Tuần-hườn thứ bảy, nguồn sanh-lực của Dây Nguyệt-Cầu (Mặt-Trăng) đi qua dãy Địa-Cầu, nên Mặt-Trăng phải chết ; vạn vật và muôn loài thiếu sanh-lực để sống, cũng tàn-tạ hết. Các linh-hồn ở Cung-Trăng đều được đưa sang Địa-Cầu để tiếp tục tiến hóa cho đến ngày nay.

Những hình xám-xám xanh-xanh mà người ta thấy trên Mặt-Trăng và gọi là « thặng Cui, cây Da » là những hòn núi căn-côi, khô-khan, di-tích lại.

Mặt-Trăng sáng-là nhờ Mặt-Trời chiếu vào, rồi phản chiếu xuống Địa-Cầu.

Trăng khi tròn khi khuyết là vì Trái Đất khi đi ngay hướng có Mặt-Trời chiếu, hay khi đi cạnh qua một bên. Lúc đi ngay, thì người trên Địa-Cầu thấy Trăng tròn, lúc đi cạnh qua một bên thì thấy Trăng khuyết hoặc lưỡi liềm. Mặt-Trăng hiện nay là bầu Trái-Đất thứ ba của dây Nguyệt-Cầu đã chết. Về trước nữa, có hai bầu Trái-Đất đã chết và cũng đã thành Mặt-Trăng, rồi tan-rã hóa ra bụi trần Tinh-tú (poussières d'astéroïdes).

Ảnh-hưởng của Mặt-Trăng (2).

Mặt-Trăng đối với Địa-Cầu có ảnh-hưởng rút nước.

Nó xoay chung quanh Địa-Cầu, giáp một vòng là 29 hoặc 30 ngày. Mặt-Trăng đi phía nào thì nước bị rút dồn về phía ấy.

(1) Dây Nguyệt-Cầu gồm có 7 bầu (6 bầu vô hình và 1 bầu hữu-hình) bầu hữu-hình tức là Mặt-Trăng.

(2) Về khoa Tử-vi, sách Tàu gọi Mặt-Trăng là Sao Thái-Âm, có nhiều ảnh-hưởng về tánh-tình, sự sang hèn, giàu nghèo ; nếu ai sanh nhằm giờ của nó chiếu, và lúc ấy nó ở vào Cung đặc-địa hay là hãm-địa.

Nước lớn nước ròng (hoặc nước ròng, hay là nước kém) là tại ảnh-hưởng của Mặt-Trăng ; nếu không có Mặt-Trăng thì nước không ròng không lớn, và cứ đọng lại một mực mãi-mãi.

CÁCH SANH-HÓA ĐỊA-CẦU (Trái Đất)

Hồi sơ-khai Trái-Đất, Thái-Cực phân ra Lưỡng-Nghi, lúc ấy chất Âm-thổ câu-kết lại khối thành Trái-Đất. Trái-Đất lại chịu ảnh-hưởng của các hành-tinh khác xạ vào đủ chất ngũ-hành : Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ. Nên ngoài chất chánh là Âm-Thổ (1), Trái-Đất còn có đủ chất : Kim, Mộc, Thủy và Hỏa nữa.

Năm chất ngũ-hành ở trong Trái-Đất tự lại làm năm chỗ và chia Trái-Đất ra làm năm phần ; mỗi phần làm thành ra một Châu, năm phần thành ra năm Châu (Ngũ Châu = Cinq parties du Monde).

Năm Châu (Ngũ Châu).

Mỗi Châu do một hành làm căn-bản ; mỗi hành có một màu sắc riêng, tức là màu da của giống dân sống trên Châu ấy. Vì thế mà trên địa-cầu có năm Châu, năm giống dân, năm màu da.

1.— Âu-Châu thuộc hành Kim, sắc trắng, nên dân Âu-Châu màu da trắng ;

2.— Á-Châu, hành Thổ, sắc vàng, dân Á-Châu da vàng ;

3.— Phi-Châu, hành Thủy, sắc đen, dân Phi-Châu da đen ;

4.— Mỹ-Châu, hành Hỏa, sắc đỏ, dân Mỹ-Châu da đỏ (mọi da đỏ là giống dân chánh gốc của Mỹ-Châu) (2) ;

(1) Chất Âm-Thổ có thể gọi là hồn mạng của Trái-Đất, cũng như con người, kẻ thuộc về mạng thủy, người thuộc về mạng hỏa.

(2) Thuở xưa, ở Mỹ-Châu toàn là mọi da đỏ, và ngày nay cũng còn thiếu số mọi da đỏ ở Mỹ-Châu.

5.— Úc-Châu, hành Mộc, sắc xanh, dân Úc-Châu màu da xanh.

Giống dân chánh gốc của Úc-Châu là người « bà-lai-du », da xanh, hiện nay bị người Anh tiêu-diệt gần hết, còn một thiểu số sống sót tại đảo Bornéo.

oOo

TRÁI-ĐẤT CÓ NHIỀU CHỖ GIỐNG NHƯ CON NGƯỜI

Sách có nói con người là Bầu Trái-Đất nhỏ. Nói như thế không phải là vô căn-cứ. Đây là những sự so-sánh để chỉ rõ Trái-Đất cũng như con người.

— Con người có ngũ-tạng, Trái-Đất cũng có ngũ-tạng ;

— Con người sanh con đẻ cái, Trái-Đất cũng sanh con đẻ cái ;

— Con người thở ra hít vào, Trái-Đất cũng thở ra hít vào ;

— Con người có gân có máu chạy cùng khắp châu thân, Trái-Đất cũng có gân có máu như con người vậy ;

— Con người đau, già, chết, Trái-Đất cũng đau, cũng già, và cũng chết...

oOo

NGŨ-TẠNG CỦA TRÁI-ĐẤT

Con người có ngũ-tạng : Tâm, Can, Tỳ, Phế, Thận ;

Trái-Đất cũng có ngũ-tạng, tức là ngũ Châu : Âu, Á, Phi, Mỹ, và Úc.

Ngũ-tạng của con người thuộc về Ngũ-Hành, Ngũ-Hành hiện ra ngũ sắc.

Trái-Đất cũng có ngũ Châu, cũng thuộc về Ngũ-Hành, và mỗi Châu có một giống dân, một màu da riêng biệt.

TRÁI-ĐẤT SANH CON

Con người sanh-sản là nhờ hai thứ : âm-tinh-trùng và dương-tinh-trùng, lúc giao-cấu, hòa-hợp kết-cấu thành bào-thai, hình-thể rồi sanh ra đứa nhỏ.

Trái-Đất cũng vậy, Trái-Đất xạ ra âm-khí, Mặt-Trời xạ xuống dương-khí, hai thứ âm-dương hòa-hợp sanh ra muôn loài vạn-vật (1).

oOo

TRÁI-ĐẤT CÓ BỘ MÁY HÔ-HẤP

(Thở ra hít vào)

Con người thở ra hít vào, mỗi phút là 15 hay 16 lần ; mỗi lần thở ra chất thán-khí (gaz carbonique) và hít vào chất dưỡng-khí (oxygène).

Trái-Đất cũng vậy, ban đêm thở ra chất thán-khí, ban ngày hít vào chất dưỡng-khí của Mặt-Trời. Mỗi ngày đêm 24 giờ, Trái-Đất thở ra, hít vào một lần mà thôi.

oOo

TRÁI-ĐẤT CŨNG CÓ BỘ MÁY TUẦN-HUỒN

(tức là có sự vận-chuyển máu huyết)

Con người có máu, do nơi Tim phát máu đi cùng khắp châu thân để nuôi cơ-thể. Trái-Đất cũng có Tim, có Máu và Gân máu.

Gân máu của Trái-Đất là sông, rạch ; máu là nước. Còn Tim của Trái-Đất tức là Biển. Biển phát nước cho sông, rạch, làm cho nước châu-lưu cùng khắp nơi, chỗ nào có sông, rạch (có nước), thì đất-đai phì-mỹ cũng như cơ thể con người, chỗ nào có máu huyết châu-lưu đến thì da-thịt nở-nang, tươi thắm.

(1) Trái-Đất cũng thọ thai, đến ngày nở nhụy khai hoa : nở mình đẻ ra Trái Núi.

Nước do biển phát ra, đi thấm-nhuần các phần đất rồi thành ra dơ, nước dơ trở ra biển lóng cho trong sạch, rồi lại chảy vào sông, rạch, châu-lưu khắp chỗ để nuôi Trái-Đất và vạn-vật. Cũng như trong con người máu, đổ lưu-thông khắp châu-thân để nuôi xương thịt, rồi trở thành dơ ; máu dơ (máu đen) nhờ phổi cung-cấp dưỡng-khí (oxygène) tươi đỏ trở lại. Máu đỏ hườn về Tim rồi lại lưu-thông khắp châu-thân để nuôi cơ-thể.

oOo

TRÁI ĐẤT ĐAU

Con người đau tại ngũ-tạng không điều-hòa, ngũ khí không đầy đủ. Sự mất quân-bình (déséquilibre) đó sanh ra bệnh.

Tỷ như tạng phế yếu, kém sanh-lực, sanh ra đau : phổi nám, hư, thúi, lũng lổ, tự sanh trùng.

Trái-Đất cũng vậy. Khi một tạng nào, nghĩa là một Châu nào mất quân-bình, thì dân-sự trên Châu ấy bị Thiên-tai « Ôn-dịch, Thời-khi », hoặc mất mùa chết đói. Thường khi Châu nào đau thì Châu ấy nổi giặc (1), như dân đồ-thán. Như trận giặc vừa qua (1939 — 1945) phát sanh tại Âu-Châu (2) là tại Trái-Đất đau về tạng Phế (đau phổi) vì Âu-Châu vì như là Phổi của Trái-Đất : Phế (Phổi) thuộc hành Kim, mà Kim thì sắc trắng, dân Âu-Châu màu da trắng.

oOo

TRÁI ĐẤT GIÀ

Con người càng ngày càng già, mà lúc già thì cằn-cỗi, sanh con đẹt, nhỏ hơn mấy đứa con đầu lòng. Cây-trái cũng vậy, cây tơ thì trái to lớn, cây già thì trái nhỏ.

(1) Loài người thường hay đau ốm thì Trái-Đất cũng vậy ; chỉ nên vài năm thì thấy nổi giặc ; khi ở Âu khi ở Á và luôn-luôn thường có giặc.

(2) Âu-Châu nổi giặc có giải rõ nơi đoạn sau, nói về khoa tử-vi.

Trái-Đất cũng thế. Lâu ngày quá, Trái-Đất cũng già, mà càng già thì sanh-lực càng kém, nên nhơn-vật trên địa-cầu càng nhỏ lùn. Thuở xưa, hình dáng tổ-tiên ta thô-khích, vạm vỡ, vai ngang, ngực nở, vóc to sức mạnh. Còn người đời nay bé nhỏ, so vai rút cổ, sức yếu lực giảm. Về sau, nhơn-loại lại càng nhỏ bé hơn nữa, đó là bằng chứng Trái-Đất càng già, càng kém sanh-lực vậy (1).

oOo

TRÁI-ĐẤT SẼ CHẾT

Con người khi gần chết thì ngũ tạng tè-liệt, ngũ Khi suy-kém, thành ra đau ốm, sanh-lực tiêu-tan, lần hồi... rồi chết.

Trái-Đất khi đã già quá rồi, mất lần lần sanh-lực. Ngũ Tạng (Ngũ Châu) của Trái-Đất cũng tè-liệt, chừng ấy trên địa-cầu chỗ nào cũng lộn-xộn (rối-rắm), nổi giặc tứ-tung, binh-hoạn lan-tràn, nhơn-loại và vạn-vật lần-lần tiêu-diệt; Trái-Đất sẽ chết khô, như Mặt-Trăng hiện nay là một bầu Trái-Đất đã chết khô vậy.

Khi Trái-Đất tàn-tạ, thì Mặt-Trăng cũng đến hồi tan-rã, Trái-Đất sẽ thay-thế Mặt-Trăng và sẽ là đước ngọc cung Thiềm tỏa ánh-sáng xanh mờ; là nguồn thi-cảm ru tâm-hồn, những nhơn-vật tương-lai của bầu Trái-Đất thứ năm sẽ sanh ra thế cho nhơn-vật trên Trái-Đất của chúng ta hiện nay (2) là bầu thứ tư.

TỨ - TƯỢNG

(Les quatre formes de la Vie)

Khi Thái-Cực phân Lưỡng-Nghi, sanh-hóa các Hành-Tinh và Địa-Cầu rồi, thì bấy giờ các Hành-Tinh mới xa thần-lực

(1) Trừ ra trường hợp những giống dân do Đức Bàn-Cổ mới tạo ra, giống mới này sẽ to lớn và sống lâu hơn giống dân cũ.

(2) Xin nhắc lại: Mặt-Trăng là bầu Trái-Đất thứ ba, còn Trái-Đất hiện nay là bầu Trái-Đất thứ tư, hai bầu thứ nhất, thứ nhì, đã chết và tan-rã lâu rồi.

xuống Địa-Cầu, mà hóa-sanh bốn loại khác nhau, gọi là tứ-tượng.

Bốn loại ấy là :

- 1.— Loài Kim-Thạch (Règne Minéral) ;
- 2.— Loài Thảo-Mộc (Règne Végétal) ;
- 3.— Loài Cầm-Thú (Règne Animal) ;
- 4.— Loài Người (Règne Humain) ;

Tất cả muôn loài vạn-vật trên địa-cầu này, buổi đầu tiên, đều do các Hành-Tinh xạ xuống địa-cầu những thần-lực Âm-dương và Ngũ-Hành mà cấu-thành hình-thể và hóa-sanh ra. Rồi những hình-thể đầu tiên đó, dùng những mầm-giống âm-dương và ngũ-hành đã có sẵn trong cơ-thể, do đó sanh-sản thêm nữa.

Cứ theo nguyên-tắc đó mà sự sanh-sản càng ngày càng gia-bội.

Ngày nay, chúng ta chỉ biết con người sanh ra là do cha-mẹ, chớ đâu có nghĩ rằng con người hay là vạn-vật đầu tiên đâu có cha-mẹ như chúng ta ; nhưn-vật đầu tiên ấy đều do âm-dương và ngũ-hành cấu-thành hình-thể (Tỷ như loài dế ở ruộng, mỗi năm qua mùa có nước thì dế chết sạch, đến chừng ruộng vừa khô, và mưa vài đám đầu, đất được ẩm-áp, âm-dương đầy đủ, thì loài dế do âm-dương và ngũ-hành hóa-sanh ra, chớ đâu có cha mẹ dế, sanh ra con dế (1). Loài cá cũng vậy, chỗ nào có nước, có đất, lâu ngày : nước, đất thọ khí âm-dương sanh ra loài cá (2)).

oOo

CÁCH SANH-SẢN CON NGƯỜI

(do cha mẹ sinh ra)

Qua thời-kỳ Tạo-sanh rồi (3), con người thai-sanh (sanh-

(1) Có sách nói : gốc rạ thọ khí âm-dương sanh ra dế ;

(2) Có sách nói : rễ cây, rễ cỏ, gặp nước biển thành ra cá.

(3) Do luật thiên-nhiên (Tạo-hóa) sanh ra.

sản thêm) là do hai thứ tinh-trùng âm, dương. Lúc nam nữ giao-cấu, mỗi bên xạ ra một thứ tinh-trùng. Nam : dương-tinh-trùng, Nữ : âm-tinh-trùng. Hai thứ âm, dương tinh-trùng này đều có chứa đủ ngũ-hành.

Bên Nam thì tinh-trùng : dương-kim, dương-mộc, dương-thủy, dương-hỏa và dương-thổ.

Bên Nữ thì tinh-trùng : âm-kim, âm-mộc, âm-thủy, âm-hỏa và âm-thổ.

Hai thứ âm-dương tinh-trùng hòa nhau, nếu tương-hợp được thì thai-sanh một hình-thể mới khác (một đứa con). Nếu lúc hòa-hợp ấy mà tinh-trùng-dương nhiều hơn tinh-trùng-âm, thì đứa nhỏ là con trai. Trái lại, nếu tinh-trùng-âm nhiều hơn tinh-trùng-dương, thì đứa nhỏ là gái. Nếu hai thứ tinh-trùng âm-dương bằng nhau, thì đứa nhỏ sẽ là bán nam, bán nữ (lại cái).

Hai thứ tinh-trùng đã kết-cấu thành hình-thể đứa nhỏ rồi, thì âm-dương phân đứa nhỏ ra làm hai phần (1); phần bên trái thuộc âm, bên mặt thuộc dương. Còn ngũ-hành phân thể-xác ra làm năm chỗ gọi là ngũ-tạng : Tâm, Can, Tỳ, Phế, Thận.

oOo

CÁCH PHÂN RA NGŨ-TẠNG VÀ LÀM THÀNH THỂ-XÁC CON NGƯỜI

Sau lúc nam, nữ giao-cấu và khi âm-dương tương-hợp được, kết thành thai rồi thì tinh-trùng-dương làm ra Tạng; tinh-trùng âm làm ra Phủ, như dưới đây :

1.— Tinh-trùng dương-kim làm ra lá Phổi (Tạng);

Tinh-trùng âm-kim làm ra Đại-trường «ruột già» (Phủ);

Lá Phổi và Đại-trường thuộc về Tạng-Phế (thuộc kim).

(1) Như hồi lúc Thái-cực phân vũ-trụ ra làm hai là Lương-Nghi vậy.

2. + Tinh-trùng **dương-mộc** làm thành Gan (Tạng) ;
Tinh-trùng **âm-mộc** làm thành Mật (Phủ) ;
Lá Gan và Mật thuộc về Tạng Can (thuộc Mộc).
3. — Tinh-trùng **dương-thủy** làm thành Trái Cật (Tạng) ;
Tinh-trùng **âm-thủy** làm thành Bọng-đái (Phủ) ;
Trái Cật và Bọng-đái thuộc về Tạng Thận (thuộc Thủy).
4. — Tinh-trùng **dương-hỏa** làm thành trái Tim (Tạng) ,
Tinh-trùng **âm-hỏa** làm thành Tiểu-trường (Phủ) ;
Trái Tim và Tiểu-trường thuộc về Tạng Tâm (thuộc Hỏa)
5. — Tinh-trùng **dương-thổ** làm thành Lá Mía (Tạng) ;
Tinh-trùng **âm-thổ** làm thành Bao-tử (Phủ) ;
Bao-tử và Lá-mía thuộc về Tạng Tỳ (thuộc Thổ).

Bộ phận nào dễ đặng, dễ chữa, thì gọi Phủ ;
Phủ có nghĩa là chữa.

oOo

CÒN HAI CHẤT ÂM-DƯƠNG

Âm-dương làm ra xương và thịt.

Dương làm ra xương.

Âm làm ra thịt (1).



Các bộ phận khác như mắt, mũi, tay chơn v.v... đều là nhánh-nhóc của Ngũ-tạng.

Tóm lại, thể-xác con người đều do âm-dương và Ngũ-hành cấu-tạo.

Ngũ-hành tự lại làm năm chỗ chánh gọi là Ngũ-tạng (Tâm, Can, Tỳ, Phế, Thận).

Âm-dương và ngũ-hành vận-chuyển trong con người ta và biểu-lộ cho ta biết sự thanh-suy bằng những bộ mạch.

Có năm bộ mạch thuộc về ngũ-hành và một bộ thuộc về âm-dương.

oOo

NHỮNG BỘ MẠCH

Năm bộ Mạch thuộc về ngũ-hành :

- 1.— Bộ Tâm ;
- 2.— Bộ Can ;
- 3.— Bộ Tỳ ;
- 4.— Bộ Phế ;
- 5.— Bộ Thận.

Bộ thứ 6 là bộ... Mạng-môn, thuộc về âm-dương.

Sáu bộ mạch biểu-lộ nơi hai cườm tay (1).

A)— *Bên cườm tay trái* có ba bộ : Tâm, Can, Thận.

Bộ Tâm (Tim — Tiểu-trường) do hành hỏa ;

Bộ Can (Gan — Mật) do hành mộc ;

Bộ Thận (Cật và Bọng-đái) do hành thủy.

B)— *Bên cườm tay phải* cũng có ba bộ : Phế, Tỳ, Mạng-môn.

Bộ Phế (Phổi và Đại-trường) do hành kim ;

Bộ Tỳ (Lá-Mia và Bao-tử) do hành thổ ;

Bộ Mạng-Môn do âm-dương.

(1) Coi bản đồ số 2.

ÂM - DƯƠNG

làm ra

XƯƠNG - THỊT

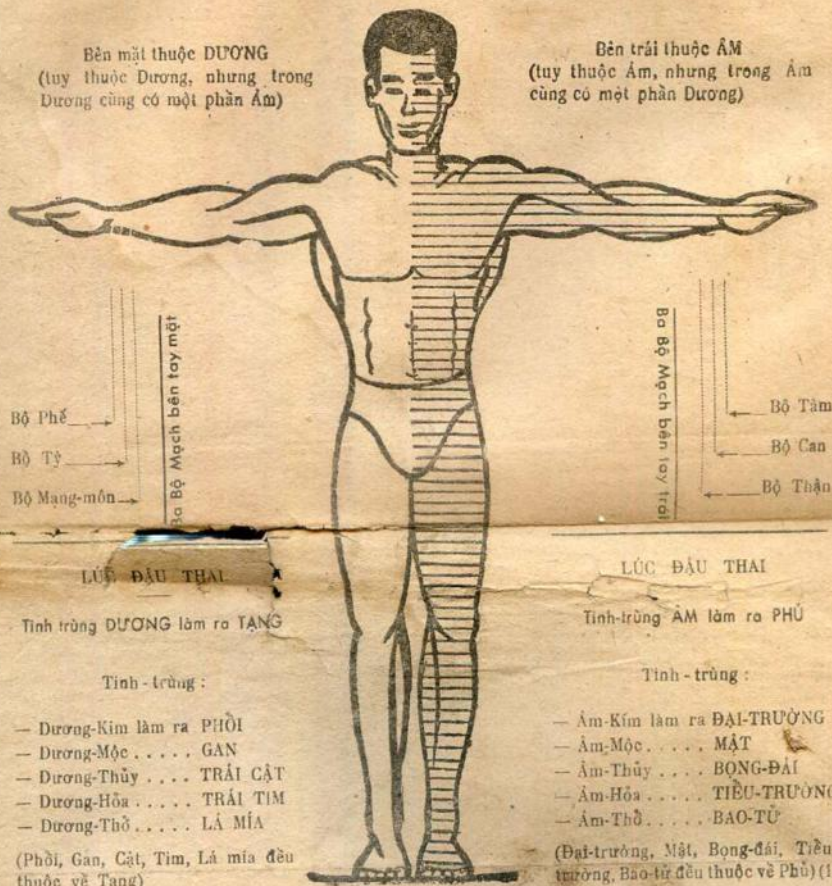
NGŨ-HÀNH: KIM, MỘC, THỦY, HỎA, THỔ

làm ra

NGŨ-TẠNG: TÂM, CAN, TỠ, PHỄ, THẬN

Bên mặt thuộc DƯƠNG
(tuy thuộc Dương, nhưng trong
Dương cũng có một phần Âm)

Bên trái thuộc ÂM
(tuy thuộc Âm, nhưng trong Âm
cũng có một phần Dương)



LƯU ĐẤU THAI

Tinh-trùng DƯƠNG làm ra TẠNG

Tinh-trùng :

- Dương-Kim làm ra PHỔI
- Dương-Mộc GAN
- Dương-Thủy TRÁI CẬT
- Dương-Hỏa TRÁI TIM
- Dương-Thổ LÁ MÍA

(Phổi, Gan, Cật, Tim, Lá mía đều thuộc về Tạng)

LƯU ĐẤU THAI

Tinh-trùng ÂM làm ra PHŨ

Tinh-trùng :

- Âm-Kim làm ra ĐẠI-TRƯỜNG
- Âm-Mộc MẮT
- Âm-Thủy BỌNG-ĐÁI
- Âm-Hỏa TIÊU-TRƯỜNG
- Âm-Thổ BAO-TỬ

(Đại-trường, Mắt, Bọng-đái, Tiêu-trường, Bao-tử đều thuộc về Phũ) (1)

(Hình số 2)

THÂN-THỂ CON NGƯỜI LÀ BÀU TRỜI ĐẤT NHỎ

Vũ-trụ có những chất gì, thì trong thân-thể con người đều có những chất ấy. Những chất lập ra Vũ-trụ là những chất tạo ra con người.

Ban-sơ, những người đầu tiên thì do Đấng Tạo-Hóa sanh ra, rồi về sau Nam Nữ do những mầm-giống có sẵn trong người giao cấu, thai-sanh ra người cho đến ngày nay.

(1) Phũ thú sáu là Tam-Tiểu do hai chất ÂM-DƯƠNG tạo ra.

Muốn biết được sự thanh-suy của âm-dương và ngũ-hành trong cơ-thể, thì cần-cứ vào sáu bộ mạch kể trên đây. Nhờ đây mà Thầy thuốc ta khi bắt mạch biết được cơ-thể đau chỗ nào và bệnh gì.

Tỷ như : Mạch Tâm yếu, thì đau Tim hoặc Tiền-trường ;
Mạch Tỳ yếu, thì đau Bao-tử hay là Lá-mía ;
Mạch Phế yếu, thì đau Phổi và Đại-trường ;
Mạch Can yếu, thì đau Gan, Mắt ;
Mạch Thận yếu, thì đau Thận (Cật và Bọng đái) ;
Mạch Màng-môn yếu là âm-dương suy-kém.

oOo

CHI-NHÁNH LỚN CỦA NGŨ-TẠNG

Nhánh lớn của ngũ Tạng là ngũ Quan

(Les cinq sens)

NGŨ - QUAN

- Hai lỗ mũi là nhánh-nhóc của Tạng Phế (Phổi) ;
- Hai con mắt là nhánh-nhóc của Tạng Can (Gan, Mắt) ;
- Hai lỗ tai là nhánh nhóc của Tạng Thận (Cật) ;
- Hai tay, hai chơn là nhánh-nhóc của Tạng Tỳ (Bao-tử và Lá-mía) ;
- Lưỡi là nhánh-nhóc của Tạng Tâm (Tim).

oOo

NHÁNH-NHÓC NHỎ CỦA NGŨ-TẠNG

Đôi mắt thuộc về tạng CAN, nhưng trong đôi mắt còn có năm nhánh-nhóc nhỏ nữa.

Năm nhánh-nhóc nhỏ nơi con mắt :

- Tròng trắng thuộc về tạng Phế ;
- Tròng đen thuộc về tạng Thận ;

- Tròng xanh thuộc về tạng Can ;
- Tròng vàng thuộc về tạng Tỳ ;
- Mí mắt (đỏ) thuộc về tạng Tâm.

NĂM NGÓN TAY, NGÓN CHƠN

Năm ngón tay, ngón chơn cũng thuộc về năm nhánh-nhóc nhỏ của ngũ Tạng (ngũ Hành) :

- Ngón cái thuộc về tạng Phế (hành kim) ;
- Ngón trỏ thuộc về tạng Can (hành mộc) ;
- Ngón út thuộc về tạng Thận (hành Thủy) ;
- Ngón áp-út thuộc về tạng Tâm (hành hỏa) ;
- Ngón giữa thuộc về tạng Tỳ (hành thổ).

NĂM ĐÀM

Cinq monts

Cũng thuộc về nhánh nhỏ của ngũ Tạng (ngũ-hành).

Dưới năm ngón tay có năm đằm (cinq monts) :

- Đằm kim-tinh (mont de Vénus), ở ngay dưới ngón cái, thuộc hành Kim ;
- Đằm mộc-tinh (mont de Jupiter), ở ngay dưới ngón trỏ, thuộc hành Mộc ;
- Đằm thủy-tinh (mont de Mercure), ở ngay dưới ngón út, thuộc hành Thủy ;
- Đằm hỏa-tinh (mont de Soleil), ở ngay dưới ngón áp-út, thuộc hành Hỏa ;
- Đằm thổ-tinh (mont de Saturne), ở ngay dưới ngón giữa, thuộc hành Thổ.

oOo

NĂM THỨ PHẦN

(Cũng thuộc về ngũ-hành và ngũ-tạng)

Đưa trẻ con, một hai tuổi, các bộ mạch chưa hoạt-động rõ-rệt, nên không thể xem mạch mà biết được bệnh của chúng nó. Thầy thuốc chỉ xem phần và hỏi căn để trị bệnh cho trẻ con mà thôi.

Nếu thấy :

- Phần trắng thì biết được đũa trẻ đau phổi ;
- Phần xanh đau gan ;
- Phần đen đau thận ;
- Phần đỏ đau tim ;
- Phần vàng đau bao-tử.

oOo

MÙI-VỊ CỦA NGŨ-HÀNH

KIM : mùi đắng.

Ăn uống vật đắng thì bổ phổi, vì phổi thuộc Kim.

MỘC : mùi chua.

Ăn uống vật chua thì bổ Can (gan) vì gan thuộc Mộc.

THỦY : mùi mặn.

Ăn đồ có vị mặn như muối thì bổ Thận, vì thận thuộc Thủy.

HỎA : mùi cay.

Ăn ớt, ăn tiêu (có mùi cay) thì bổ tâm (tim) vì tim thuộc Hỏa.

THỔ : mùi ngọt.

Đồ ngọt, như đường thì bổ Tỳ, vì tỳ (bao tử) thuộc thổ.
(Ngũ-vị : đắng, chua, mặn, cay, ngọt thuộc về ngũ-hành và bổ ngũ-tạng).

NHỮNG TÌNH-CẢM VÀ TƯ-TƯỞNG

LÀM TẮNG NGŨ-HÀNH, LÀM HƯ NGŨ-TẠNG

1) Sợ, 2) Rầu, Buồn, 3) Giận, 4) Vui, Mừng, 5) Lo ;
là những tư-tưởng làm tắng ngũ-hành và làm hư ngũ-tạng.

SỢ tắng Thủy : (Thận)

Sợ quá thì tắng thủy, hại thận (Thận thuộc Thủy).

RẦU, BUỒN tắng Thổ (Tỳ)

Rầu, buồn quá thì tắng Thổ, hại Tỳ, ăn uống không biết ngon (Tỳ thuộc Thổ).

GIẬN tạng Mộc (Can)

(Giận quá thì tạng mộc, đau gan, người nào thường hay giận thì lá gan nở lớn và hay đau gan (vì gan thuộc Mộc).

VUI, MỪNG tạng Hỏa (Tâm)

Vui mừng quá thì tạng hỏa lao tâm (đau Tim) vì tim thuộc Hỏa.

LO ÂU tạng Kim (Phế)

Lo quá thì tạng kim, đau phổi (ho lao) vì phổi thuộc Kim.

CÁCH SANH-HÓA CẦM-THÚ

Cách sanh-hóa cầm-thú cũng như cách sanh-hóa con người.

Hình-thể của chúng nó được cấu-thành cũng do Âm-dương và ngũ-hành, nên chúng nó cũng có đủ ngũ-tạng: Tâm, Can, Tỳ, Phế, Thận, như con người.

CÂY, CỎ và SẮT, ĐÁ

Cây, Cỏ :

Cây, cỏ cũng do theo luật cấu-tạo của Âm-Dương và ngũ-hành, mà thành hình, nhưng mỗi thứ chỉ do một Hành cấu-tạo.

— **Cây Quế :** do chất dương-hỏa cấu-thành (1).

— **Củ địa (Sanh-Địa, Thục-Địa)** do chất âm-thổ (2) cấu thành. Mỗi thứ cây cỏ do một Hành sanh ra. Trừ ra cây sâm, Nhon sâm (3), sâm Cao-ly v.v... Cây sâm chứa đều đủ và rất

(1) Quế bổ tim, tim thuộc Hỏa.

(2) Thục-địa do chất âm-thổ cấu thành, nên uống thục-địa bổ tỳ, vì tỳ thuộc Thổ.

(3) Cây sâm có lẽ là tiến-hóa nhứt về loại thảo-mộc, nó là cái gạch nối liền (trait d'union) giữa loài thảo mộc và loài cầm-thú; cũng như giống vượn (đả-nhon) là tiến-hóa nhứt của loài cầm-thú và là gạch nối liền giữa cầm-thú và loài người vậy.

nhiều chất ngũ-hành, nên uống sâm bồi-bổ cả ngũ-tạng. Vì có đủ ngũ-hành, nên cây sâm có phần giống con người hoặc thú-vật : có đầu, mình và tay, chơn. Người ta thường gọi là nhơn-sâm, có ý nói sâm giống người.

Sắt, Đồng, Thau, Chì, Kẽm :

Sắt, Đồng, Thau, Chì, Kẽm, mỗi thứ đều do một Hành mà kết thành hình. Như sắt do hành Kim cấu-thành...

Đá : Đá trắng, đá xanh, đá vàng, đá đỏ, đá đen, đều do một Hành sanh ra (màu nào thì do Hành ấy).



CHƯƠNG II

Y-LÝ ĐÔNG-PHƯƠNG

Y-lý Đông-phương đã có trên 4.000 năm rồi và đến nay cũng vẫn còn đặc dụng đối với nhơn-loại, mà nhưt là đối với người Á-Đông.

Người phương Tây (Âu-Châu) họ cho cách trị-liệu theo y-lý Đông-phương là do sự kinh-nghiệm, chứ không có tánh-cách khoa-học, và cũng không căn-cứ vào đầu cả.

Họ nói thế là tại họ chưa hiểu rõ sách-vở về y-lý Đông-phương

Sự thật y-lý Đông-phương là một khoa-học, nhưng thuộc về khoa hình-nhi-thượng-học (1) (Science métaphysique) siêu-việt hơn tất cả khoa-học duy-vật mà chúng ta được biết ở thời buổi này.

Đem khoa hình-nhi-thượng-học, mà giảng-giải ra, là một vấn-đề vô cùng khó-khăn vì không thể trưng những bằng cứ mà mắt phàm thấy được, hoặc tay phàm sờ đụng được.

Hiểu được khoa hình-nhi-thượng-học, thì chỉ có một số ít người mà thôi.

Nếu đem nó ra mà bàn-giải với người có óc khoa-học duy-vật nhưng kém phần trực-giác, thì họ không bao giờ nhận, không bao giờ tin.

Chúng tôi thử dựa theo khoa-học duy-vật mà phân-giải khoa hình-nhi-thượng-học, để các bạn nhận coi có phần nào

(1) Gồm có khoa tử-vi và những luật bí-ẩn trong vũ-trụ và trong con người.

đúng thì thêm vào sự hiểu-biết của mình, bằng có sai-lạc thì xin chỉ bảo lại, chúng tôi vui lòng lãnh giáo.

Muốn hiểu khoa y-lý Đông-phương căn-cứ vào đâu thì cần phải biết khoa huyền-cơ-học và khoa y-học.

Huyền-cơ-học đã giải sơ trong sự tạo-lập vũ-trụ và sanh-hóa muôn loài vạn-vật, còn khoa y-học thì căn-cứ vào các sách y-học của Tàu.

Xin nhắc lại: cơ-thể con người cấu-thành là do âm-dương và ngũ-hành: âm-dương làm ra xương-thịt, ngũ-hành làm thành ngũ-tạng.

Trong con người, âm-dương và ngũ-hành phải luôn-luôn quân-bình và điều-hòa, nếu âm-dương mất quân-bình, ngũ-tạng không điều-hòa, ngũ-khí không đầy đủ, thì sanh ra bệnh.

TẠI SAO NGŨ-TẠNG KHÔNG ĐIỀU-HÒA? VÀ NGŨ-KHÍ KHÔNG ĐẦY ĐỦ?

Có hai lẽ:

1.— Một là tại mình quá phí sức (1) làm mòn-mỏi cơ-thể, ngũ-khí vì vậy mà tiêu hao, không được đầy đủ, nên sanh đau ốm. Như thế là bệnh-hoạn đó chính tự mình gây ra vậy.

2.— Còn lẽ thứ nhì, đau ốm không phải do nơi mình gây ra, mà là do ảnh-hưởng bên ngoài, tức là do ảnh-hưởng của thời-tiết, phong-thổ và của các hành-tinh (2).

(1) Hoan-dâm vô-độ, rượu chè, hút-sách thái quá và làm việc quá sức, v.v...

(2) Đồi mùa thời-tiết, phong sương cảm-mạo, nóng-nực bần-thần, làm cho con người uê-oải, đã-dượi, nhức-đầu, sồ mũi hoặc trúng phải bệnh thời-khí không chừng; đó là lệ thông-thường. Còn các hành-tinh đối với vận-mạng và sức khỏe của con người là một việc thiết-thật và chắc-chắn, và muốn hiểu cho rành thì phải học khoa tử-vi.

Với khoa tử-vi, nếu biết được giờ, ngày, tháng, năm sanh của người nào thì đoán trước được tương-lai của người ấy, nghĩa là biết được lúc nào giàu-sang vinh-hiền, lúc nào suy-sụp nghèo-hèn, sẽ bị tai-nạn hoặc bệnh-hoạn gì, thọ được bao nhiêu tuổi rồi chết, v.v... (1)

Ở đây xin giải tại sao con người đau lại do ảnh-hưởng của các hành-tinh, và nhờ đâu biết được lúc nào đau, đau bệnh gì và phải dùng thuốc gì để làm cho lành bệnh.

Theo nguyên-tắc, con người đau là do sự tương-khắc của ngũ-hành. Nếu hành-tinh nghịch với bản mạng của mình, xạ thần-lực xuống làm tằng sanh-lực của một tạng nào trong cơ-thể thì tạng ấy yếu, cơ-thể mất quân-bình, sanh ra đau.

Ví dụ như bệnh đau mắt (con mắt đỏ).

Bệnh đau mắt sanh ra có hai cách. Một là bị truyền-nhiễm bằng vi-trùng; cách này phải dùng thuốc sát trùng mới hết bệnh. Còn một thứ đau mắt do ngũ-tạng yếu mà sanh ra. Thứ đau mắt này không thể dùng thuốc sát trùng mà trị cho lành được.

ĐAU MẮT DO NGŨ-HÀNH XUNG-KHẮC

Như trên đã nói, ngũ-tạng yếu một lẽ vì bị ảnh-hưởng nghịch của một hành-tinh. Tỷ như hành-tinh xạ ra một thứ điện-lực nghịch với hành Hỏa của tạng Tâm, chất hỏa tiêu mòn, tạng tâm phải yếu làm cho ngũ-tạng mất quân-bình.

Theo luật tương-sanh, tương-khắc (2), khi hành Hỏa yếu

(1) Đoạn sau, khi nói về khoa tử-vi, sẽ giải thêm.

(2) Tương sanh: Kim sanh Thủy, Thủy sanh Mộc, Mộc sanh Hỏa, Hỏa sanh Thổ, Thổ sanh Kim.

Tương khắc: Kim khắc Mộc, Mộc khắc Thổ, Thổ khắc Thủy, Thủy khắc Hỏa, Hỏa khắc Kim.

thì tự nhiên phải bị hành Thủy của tạng Thận mạnh hơn, nó lấn hiếp (vì thủy, hỏa tương xung); Hỏa yếu Thủy mạnh, thủy lấn hiếp hỏa, tổng hành Hỏa chạy tứ tung và tán-loạn. Hỏa chạy dồn ra mắt làm cho con mắt đỏ như tôm luộc; người ta thường nói đau mắt là tại hỏa vọng là vì lẽ ấy.

XEM MẠCH BIẾT ĐƯỢC NGŨ TẠNG ĐAU

(*Xem mạch biết được chứng đau mắt*)

Ngũ-tạng khai khiêu ra năm bộ mạch. Bộ nào yếu thì tạng ấy đau.

Tỷ như: khi Thầy thuốc xem mạch, thấy mạch Tâm nhẩy nhẹ, yếu, thì biết trong mình người bệnh kém chất hỏa, nên mới sanh ra đau mắt.

CÁCH TRỊ BỆNH

về chứng đau mắt

Khi đã biết rõ tạng Tâm kém hỏa-sanh đau mắt và muốn trị lành bệnh đau mắt thì Thầy Đông-y mới tìm trong các vị thuốc coi vị nào có nhiều chất hỏa, cho uống vào, như cho uống Quế (1) thì hết bệnh, vì cây Quế thuộc về dương-hỏa, có nhiều chất hỏa. Chất Quế vào bồi-bổ cho tạng Tâm đầy đủ chất hỏa, đủ sức chống-chọi lại kẻ nghịch là chất thủy; chứng ấy thủy phải rút lui về tạng thận (thủy). Bao nhiêu chất hỏa tán-lạc đều chạy trở về tâm. Cách trị đó gọi là dẫn hỏa qui nguyên. Ngũ-tạng điều-hòa trở lại, bệnh đau mắt phải dứt vì hỏa đã trở về Tâm, không còn dồn nơi mắt; con mắt tự nhiên hết đỏ.

Giải sơ qua một chứng bệnh thông thường, các bạn đã thấy rõ y-lý Đông-phương căn-cứ vào đâu rồi.

Các bệnh khác cũng do luật ngũ-hành tương-khắc mà sanh ra. Về cách trị liệu, thầy thuốc chỉ có thêm vào, hoặc bớt ra, những chất nào thiếu, hoặc thừa, làm mất quân-bình cho cơ-thể và sanh ra đau ốm.

(1) Quế: thứ thật tốt như quế-thanh mới đầy đủ chất hỏa, mới có hiệu-nghiệm.

Như tạng nào thịnh quá, thì mạch của nó nhảy mạnh, (trội hơn các tạng khác). Thầy thuốc phải cho người bệnh uống vào những vị thuốc làm tăng bớt chất căn-bản đương thịnh của tạng ấy, để lập lại sự quân-bình của cơ-thể. Còn tạng nào yếu thì bồi-bổ thêm.

Nói tóm lại: Y-lý Đông-phương căn-cứ vào sự hưng suy của Âm, Dương và ngũ-hành trong con người mà trị bệnh, hoặc bổ hoặc tả (tăng) bằng những chất âm, dương và ngũ-hành lấy ở trong cây, cỏ, sắt, đá và thú-vật v.v...

Chứng nào nắm chất ngũ-hành và âm-dương trong người được đầy đủ và điều-hòa, thì người đủ sức khỏe không đau ốm.

KHOA CHÂM CỨU

(acupuncture)

Ngũ-hành vận chuyển trong cơ-thể con người, khai khiếu ra ngoài bằng những huyết, là những cửa để cho ngũ-hành lưu thông ra ngoài, hoặc để cho ngũ-hành ở ngoài vào. Các huyết ấy đóng lại bằng lớp da thịt.

Con người đau là tại cơ-thể mất quân-bình. Ngũ-hành trong cơ-thể hoặc quá nhiều, (dư thừa) hoặc quá ít (thiếu kém) sanh ra đau ốm. Muốn trị lành bệnh, Thầy thuốc châm-cứu, đem vào cơ-thể những chất thiếu, hoặc bớt ra những chất thừa. Đem vào hay rút ra theo phương-pháp châm cứu, tức là chích, hoặc đốt ngay cái huyết đương đau, chẳng khác nào mở cửa cho ngũ-hành vô ra. Tỷ như tạng tâm thiếu chất hỏa, sanh đau mắt, thì khi châm, chất hỏa ở trong không khí tự-nhiên (1) vào đầy đủ thì tạng tâm quân-bình trở lại, bệnh đau mắt sẽ dứt. Trái lại

(1) Ở trong không khí có đủ ngũ-hành Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ tỷ như khi ta quạt một diêm quạt, tất nhiên ta thấy có lửa (hỏa).

nếu tạng tâm đau vì chất hỏa rất nhiều (thừa), thì khi châm nơi huyết Hỏa, chất hỏa thừa ấy, tự nhiên tiết ra ngoài, cơ-thể quân-bình trở lại.

Tóm lại châm-cứu là phương-pháp đem vào hay rút ra những chất thiếu hoặc thừa, để làm cho cơ-thể quân-bình trở lại, thì người đau sẽ được lành mạnh.

TRUYỀN NHƠN ĐIỆN

(Passes magnétiques)

Trị bệnh bằng phương-pháp truyền nhơn-điện cũng như phương-pháp châm-cứu hay là uống thuốc, cốt ý là làm cho ngũ-tạng điều-hòa, bằng cách đem vào những chất ngũ-hành thiếu kém ở trong cơ-thể.

Người trị bệnh bằng nhơn-điện (guérisseur magnétique) phải luôn luôn luyện cho điện ngũ-hành của mình đầy đủ, để khi trị bệnh thì sang sót điện này (magnétisme) cho bệnh-nhơn bằng hai bàn tay. Lúc trị bệnh người ấy dùng ý-chí (volonté) chuyển cho điện ngũ-hành ra nơi mười ngón tay, và xa điện ấy vào ngay người bệnh. Cũng như các người có xe hơi cầu bình điện vậy: đem hơi điện của bình điện mạnh cho qua bình điện yếu, thì bình yếu trở nên mạnh.

Trị bệnh bằng nhơn-điện tất là cho vào cơ-thể những chất ngũ-hành bằng cách dùng nhơn-điện-lực; khi cơ-thể tiếp-nhận ngũ-hành đầy đủ, thì ngũ-tạng được quân-bình, tự nhiên hết bệnh.



CHƯƠNG III

KHOA TỬ-VI

Khoa Tử-vi thuộc về hình-nhi thượng-học, giải được nguồn gốc của các sự sanh-hóa muôn loài vạn vật và các hiện-tượng, các biến-chuyển xảy ra trong hoàn-vũ.

Từ hành động của một cá-nhơn đến sự hưng vong của một quốc-gia, đều chịu ảnh-hưởng của các hành-tinh. Sách Tàu có câu : «Nhứt âm, nhứt trắc, giai do tiền định».

Muôn loài vạn vật ở trên địa-cầu này đều sanh ra dưới ảnh-hưởng của các hành-tinh và chịu ảnh-hưởng đó mãi mãi cho tới ngày chết.

Xin nhắc lại cái thí-du đã trưng ra ở phía trước, vì Trái-Đất như người đàn-bà, Mặt Trời như người đàn ông : trái-đất xạ ra một thứ âm-khí, mặt trời phóng xuống một thứ dương-khí ; hai khí âm-dương hòa-hợp hóa-sanh muôn loài vạn vật, cũng như hai giống cái và đực, hòa-hợp tinh-trùng để kết thai sanh con vậy.

Ngoài Mặt Trời ra, Trái Đất còn thọ khí âm-dương của tinh-tú khác, mà nhứt là của các hành-tinh ở chung quanh đường huỳnh-đạo (Zodiaque).

Hồi thuở sơ-khai, các hành-tinh đều do âm-dương và ngũ-hành tạo thành, các hành-tinh ấy luôn-luôn xạ ảnh-hưởng vào địa-cầu mà giúp vào sự hóa-sanh muôn loài vạn vật. Rồi vạn vật sẵn có mầm giống Âm-dương, Ngũ-hành trong cơ-thể, giao-cấu nhau mà sanh-sản thêm nữa.

Khoa Tử-vi Đông-Phương căn-cứ vào Âm-lịch, lấy sự vận-chuyển của Mặt Trăng làm gốc.

Còn khoa Tử-vi Thái-tây căn-cứ vào sự vận-chuyển của Mặt Trời.

GIẢI-THÍCH KHOA TỬ-VI Á-ĐÔNG

Lúc tối, dòm lên bầu trời xanh thẫm, chúng ta thấy lấp-lánh vô số đốm sáng, lớn nhỏ khác nhau. Mỗi đốm đó là hành tinh. Hành-tinh nào cũng đều có ảnh-hưởng riêng của nó đối với Địa-cầu.

Theo khoa-học Tử-vi Tàu, thì Trái Đất mà ta đang ở đây phải chịu ảnh-hưởng riêng của 108 hành-tinh ở gần và đóng trong 12 cung của Hoàng-đạo (Zodiaque). Còn muôn triệu hành-tinh khác ở xa quá, nên ảnh-hưởng không đi tới địa-cầu.

Sách Tàu đặt cho mỗi hành-tinh một cái tên (1) tùy theo ảnh-hưởng của nó. Tỷ như một ngôi sao xa xuống địa-cầu ảnh-hưởng về tiền bạc, lợi-lộc, thì đặt tên là Hóa-lộc, Lộc-tồn; ngôi sao khác có ảnh-hưởng về nghề làm thuốc, hoặc làm Thầy thuốc thì đặt tên là Thiên-y, v.v...

Dưới đây là 108 vì sao, mỗi cái có ảnh-hưởng gì, thuộc về hành nào (kim hay mộc) và loại Âm hay là Dương (âm-kim-tinh hay là dương-mộc-tinh, v.v...).

Tên 108 VÌ SAO và ẢNH-HƯỞNG

Vận-mạng của loài người đều do ảnh-hưởng của 108 vì Sao kê dưới đây :

1. — TỬ-VI (dương-thổ-tinh) (2) là đễ-tinh, có ảnh-hưởng tốt về tánh-nết đúng đắn, nghiêm-trang và phước-hậu; (3)

(1) Sự đặt tên cho hành-tinh là do Đức Trần-Đoàn Đại-Tiên : Ngài mở huệ nhãn xem thấu các hành-tinh và biết được ảnh-hưởng của mỗi hành-tinh, nên Ngài đặt tên mỗi vì Sao, tùy theo ảnh-hưởng của nó.

(2) Hồi thuở Thái-cực phân Lưỡng-nghi, tức là lúc sanh-hóa các hành-tinh, thì lúc ấy chất dương-thổ kết-hợp lại thành Sao Tử-vi. Nên Sao Tử-vi thuộc về Dương-thổ tinh; các Sao khác hành nào có tên riêng và thuộc về hành nấy.

(3) Đây là nói vắn-tắt ảnh-hưởng đại-cương về Sao Tử-vi, và những Sao khác kế tiếp sau đây. Còn nhiều ảnh-hưởng khác nữa, hoặc tốt, hoặc xấu đều do vì sao ấy đóng nơi cung đặc-địa, hoặc hãm-địa.

2.— THIÊN-CO (âm-mộc-tinh) có ảnh-hưởng về tài-giỏi, khéo-léo, biết cơ Trời ;

3.— THÁI-DƯƠNG (dương-hỏa-tinh) là Mặt-Trời, ảnh-hưởng quan-lộc, thông-minh, sáng-suốt, từ-ái, lượng khoan-hồng ;

4.— VŨ-KHÚC (âm-kim-tinh) ảnh-hưởng : tiền bạc ;

5.— THIÊN-ĐỒNG (dương-thủy-tinh) ảnh-hưởng : tu-hành hoặc phước-đức ;

6.— LIÊM-TRINH (âm-hỏa-tinh) ảnh-hưởng : thanh-liêm hay là trinh-tiết ;

7.— THIÊN-PHỦ (âm-thổ-tinh) ảnh-hưởng : tiền bạc (cái kho chứa tiền), sắm nhiều ruộng đất, tánh ôn-hòa, đoan-trang ;

8.— THÁI-ÂM (âm-thổ-tinh) ảnh-hưởng : thông-minh, tuấn-tú, bầm tánh đoan-trang ;

9.— THAM-LANG (âm-thủy-tinh) ảnh-hưởng : tham-lam ăn hối-lộ và ham dâm-dục ;

10.— CỤ-MÓN (âm-thổ-tinh) ảnh-hưởng : thị-phi, tánh-tinh giả-dối ;

11.— THIÊN-TƯỚNG (dương-thủy-tinh) ảnh-hưởng : quan-lộc, tánh-tinh thành thật, hay binh vực kẻ yếu ;

12.— THIÊN-LƯƠNG (âm-thổ-tinh) ảnh-hưởng : sống lâu ôn-hòa, khiêm-tốn ;

13.— THẮT-SÁT (dương-hỏa-tinh) gặp Sao này thường hay chết (tận số) có tánh ham giết người ;

14.— PHÁ-QUÂN (dương-thủy-tinh) ảnh-hưởng làm cho tán gia bại-sản, tánh hung-bạo, gian-trá :

Trên đây là 14 SAO CHÁNH-TINH (Sao lớn) có ảnh-hưởng mạnh, và nặng-nề hơn các sao nhỏ.

Dưới còn 94 sao trung-bình và sao nhỏ, hoặc ở xa, cho ảnh-hưởng nhẹ hơn : như 15.— Sao VẤN-XƯƠNG ảnh-hưởng về văn-chương, đẹp-đẽ, sáng-láng ; 16.— Sao VẤN-KHÚC cũng ảnh-hưởng về văn-chương, hay chữ và thi đậu cao ; 17.— Sao TẢ-PHỤ, 18. — Sao HỮU-BẬT, hai sao này cho ảnh-hưởng được người phụ trợ, giúp đỡ : 19.— Sao THIÊN-KHÔI, 20. — Sao THIÊN-VIỆT, hai sao này ảnh-hưởng về văn-chương và thi đậu, công-danh hiển-hách ; 21.— Sao THIÊN-MÃ là con ngựa của Trời, cho ảnh-hưởng làm việc lớn-lao ; nếu Sao Thiên-Mã chiếu cung Điền và đắc-địa, thi ruộng đất cò bay thẳng cánh ; 22.— Sao LỘC-TỒN cho ảnh-hưởng về chức-trước và lợi-lộc ; 23.— Sao BÁC-SĨ cho ảnh-hưởng thông-minh, có quyền-bình, thường thi đậu đến bậc bác-sĩ ; 24.— Sao LỰC-SĨ ảnh-hưởng về quyền-thế, mạnh-mẽ ; 25.— Sao THANH LONG cho ảnh-hưởng về vui-mừng, có tài-lộc và đôi hạng xấu ra tốt ; 26. — Sao TIÊU-HAO ảnh-hưởng hao-tốn tiền-tài (nhưng hao ít ít mà thôi) ; 27.— Sao TUỞNG-QUÂN ảnh-hưởng võ-tướng và oai-quyền ; 28. — Sao TẤU-THƠ cho ảnh-hưởng hay chữ và làm việc về văn-phòng ; 29.— Sao PHI-LIỆM ảnh-hưởng về binh, sát, cô-đơn ; 30.— Sao HỈ-THẦN ảnh-hưởng về chuyện vui mừng điều lành ; 31.— Sao BÌNH-PHỦ ảnh-hưởng về bình-tật và tai-họa ; 32.— Sao ĐẠI-HAO (hao to) tán gia, bại-sản ; 33.— Sao PHỤC-BINH có ảnh-hưởng bị mất mưu, bị kẻ khác làm hại ; 34.— Sao QUAN-PHỦ có ảnh-hưởng bị thua-kiện đến quan, hoặc hình thương ; 35.— Sao THÁI-TUẾ có ảnh-hưởng bị kiện thua ; 36.— Sao THIẾU-DƯƠNG cho ảnh-hưởng vui mừng ; 37.— Sao TANG-MÔN cho ảnh-hưởng chịu tang, có người chết hoặc mình chết hoặc trong thân chết ; 38.— Sao THIẾU-ÂM cho ảnh hưởng vui mừng chút đỉnh ; 39.— Sao QUAN-PHỦ cho ảnh hưởng về kiện tụng, có việc đến quan trên phân xử ; 40.— Sao TỬ-PHỦ cho ảnh-hưởng xấu, tai-họa, hoặc chết ; 41.— Sao TUẾ-PHÁ cho ảnh-hưởng tán tài, hao tổn ; 42.— Sao LONG-ĐỨC cho ảnh-hưởng

vui-mừng ; 43. — Sao BACH-HỒ ảnh-hưởng bình về máu-huyết ít con ; 44. — Sao PHÚC-ĐỨC, sao tốt cho ảnh-hưởng về phước đức ; 45. — Sao ĐIỀU-KHÁCH, sao xấu, cho ảnh-hưởng buồn-rầu, tang khó ; 46. — Sao TRỰC-PHỤ, sao xấu, buồn, bị quan-tai không tránh được ; 47. — Sao TRƯỜNG-SINH cho ảnh-hưởng về sanh-đẻ ; 48. — Sao MỘC-DỤC ảnh-hưởng về tắm gội, sạch-sẽ, giữ vệ-sanh ; 49. — Sao QUAN-ĐỐI có ảnh-hưởng làm quan ; 50. — Sao LÂM-QUAN ảnh-hưởng lớn lên được làm quan ; 51. — Sao ĐẾ-VƯƠNG ảnh-hưởng thanh-vượng (làm ăn phát-tài) ; 52. — Sao SUY cho ảnh-hưởng suy, hết thời ; 53. — Sao BÌNH ảnh-hưởng xấu, bịnh-hoạn ; 54. — Sao TỬ, ảnh-hưởng chết ; 55. — Sao MỒ, ảnh-hưởng về sự chôn-cắt, lúc chết ; 56. — Sao TUYẾT mất hẳn đi, tuyết-lương tuyết-vọng ; 57. — Sao THAI, có thai nghén ; 58. — Sao DƯỠNG, nuôi dưỡng ; 59. — Sao AN-QUANG cho ảnh-hưởng sáng-suốt, thông-minh ; 60. — Sao THIÊN-QUÍ, ảnh-hưởng hiền-vinh, quyền-qui ; 61. — Sao TAM-THAI, 62. — Sao BÁT-TỌA, hai sao này cho ảnh-hưởng tốt vinh-hiền ; 63. — Sao LONG-TRÍ, 64. — Sao PHƯỢNG-CÁC, hai sao này có ảnh-hưởng đẹp như rồng, như phụng, hoặc ở lâu son gác-tia, sang trọng ; 65. — Sao HÓA-LỘC, ảnh-hưởng lớn về lợi-lộc ; 66. — Sao HÓA-QUYỀN, ảnh-hưởng về quyền-thế ; 67. — Sao HÓA-KHOA, ảnh-hưởng thi đậu ; 68. — Sao HÓA-KỶ ảnh-hưởng xấu, trắc trở và thường bị ám-hại ; 69. — Sao HỒNG-LOAN, may mắn, đẹp đẽ ; 70. — Sao THIÊN-HỈ, vui-vẻ, và trẻ-trung ; 71. — Sao ĐÀO-HOA sắc-đẹp, nhiều chồng hoặc nhiều vợ (số đào-hoa ít khi một vợ một chồng) ; 72. — Sao THIÊN-PHÚC QUÍ-NHƠN : phước-đức được nhiều người quý mến ; 73. — Sao THIÊN-ĐỨC, 74. — Sao NGUYẾT-ĐỨC hai sao tốt về phước-đức, điều lành ; 75. — Sao THIÊN-TÀI, có tài xuất-chúng ; 76. — Sao THIÊN-THỌ, sống lâu và phước-đức ; 77. — Sao THÁI-PHỤ, ảnh-hưởng về phụ-thuộc ;

78.— Sao PHÔNG-CÁO, hàm-tước hoặc được ban thưởng
khuê-bài ; 79.— Sao MẠNG-CHỦ, ảnh-hưởng về mạng ; 80.—
Sao THÂN-CHỦ, ảnh-hưởng về xác-thân ; 81.— Sao HOA-CÁI
là cây lọng, ảnh-hưởng hiển-vinh ; 82.— Sao KINH-DƯƠNG là
cây kích, bất-đắc kỳ-tử, chết vì tai-nạn ; 83.— Sao ĐÀ-LA
(hung-tinh) hoạn-họa, thất-lợi ; 84.— Sao THIÊN-KHÔNG, gian-
hùng, nghèo-mạt, hạng gặp sao này thì tán gia bại sản ;
85.— Sao THIÊN-HÌNH, tù-tội hình án ; 86.— Sao THIÊN-Y
làm nghề thuốc, bán thuốc, hoặc làm thầy thuốc ; 87.— Sao
ĐỊA-KIỆP, 88.— Sao ĐỊA-KHÔNG, hai sao ảnh-hưởng xấu, hung-
bạo, gan-lý, nghèo ; 89.— Sao CÔ-THẦN, 90.— Sao QUẢ-TÚ,
hai sao này ảnh-hưởng cô-đơn, độc-mộc, hiểm-hoi, thích hẻo
lánh, sống một mình, không ưa giao-thiệp ; 91.— Sao ĐẦU-
QUÂN, là cái đầu, nếu ở cung tài thì tiền của xài không hết ;
92.— Sao HỎA-TINH, cháy nhà, tán tài ; 93.— Sao LINH-TINH,
điện-lực, sấm-sét, sanh nhảm giờ có linh-tinh chiếu, và không có
cứu-tinh thì bị Trời đánh (sét đánh) ; 94.— Sao KIẾP-SÁT, chủ
về hư-không ; 95.— Sao GIẢI-THẦN, ảnh-hưởng tốt, giải nạn,
tai qua nạn khỏi ; 96.— Sao THIÊN-GIẢI, cũng giải nạn như
sao Giải-Thần ; 97.— Sao PHÁ-TOÁI, làm cho nói ngọng, hoặc
câm ; 98.— Sao QUỐC-ẤN ảnh-hưởng công-danh lớn về việc
nước ; 99.— Sao ĐƯỜNG-PHỦ, ảnh-hưởng về quan-quyền, có
chức-vụ ; 100.— Sao THIÊN-SỨ, chủ về lệnh, có lệnh đòi của
Trời, gặp sao Sát-Tinh thì tới số ; 101.— Sao THIÊN-THƯƠNG,
102.— Sao THIÊN-KHỐ, hai sao này cho ảnh-hưởng cự-phú ;
103.— Sao ĐỊA-GIẢI, giải-nạn ; 104.— Sao THIÊN-KHỐC, chủ
về than khóc buồn rầu ; 105.— Sao THIÊN-HƯ chủ về hư-hao
(buồn) ; 106.— Sao LƯU-NIÊN VĂN-TINH, về văn-học thi-cử
dễ-dàng ; 107.— Sao TRIỆT-LỘ KHÔNG-VONG, sao xấu, hao
phá, cản-trở, gặp sự hung-dữ ; 108.— Sao TUẦN-KHÔNG,
cũng cản-trở và hao-tán (sao xấu).

Ảnh-hưởng của mỗi hành-tinh kể trên đây không phải y như vậy mãi, nó tùy trường-hợp mà gia-giảm hoặc thay đổi, xấu đổi ra tốt được, nếu thuận cảnh (đắc địa). Ví như hai ngôi sao rất xấu là « Hóa-Kỵ » và « Đà-La » hay sanh ra tánh ganh-hiền ghét ngỗ, chẳng khác nào hai tên côn-đồ thường xúi người làm xấu, làm bậy ; nhưng khi hai sao đó đóng vào một cung thuận (đắc địa), nơi đó có nhiều sao hiền-lành như « Sao Tử-vi » « Sao Thiên-dồng » thì chúng nó chẳng những mất hết tánh xấu, mà lại còn trở nên hữu-dụng, biết giúp đỡ và không làm hại. Chẳng khác nào một tên du-đãng ở gần một người hiền-đức thì hết hung-hăng và trở nên nhu-mi thuận-hậu, lại còn giúp kẻ khác một cách đắc-lực.

Trường-hợp và cách-thức thay đổi ảnh-hưởng của các vì sao, sách Tử-vi có nói rõ. Các bạn muốn biết thêm thì xem những sách về khoa Tử-vi.

BÀU TRỜI VÀ HOÀNG-ĐẠO

(Zodiaque)

Hoàng-đạo là đường tròn lớn nhất, do theo đó trái Đất, mặt Trời, mặt Trăng phải luôn luôn xoay theo.

Hoàng-đạo chia ra 12 cung (douze maisons).

— Kể tên 12 cung theo sách Tàu là: Tý, Sửu, Dần, Mẹo, Thìn, Ty, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi.

— Kể tên 12 cung theo sách Tây: Gêmeau, Taureaux, Bélier, Poissons, Verseau, Capricorne, Sagittaire, Scorpion, Balance, Vierge, Lion, Cancer.

Các hành-tinh phải vận-chuyển ngang qua 12 cung ấy, bằng hai cách (deux mouvements) : cách xoay tròn (mouvement de rotation) và cách đi tới (mouvement de translation). Do cách đi tới mà các hành-tinh đi hết cung này đến cung nọ.

Trái Đất, Mặt Trời, Mặt Trăng cũng vận-chuyển y như vậy.

Trái Đất xoay chung-quanh Mặt Trời giáp một vòng là một năm (365 ngày 6 giờ). Mặt Trăng đi chung-quanh Trái Đất giáp một vòng là một tháng. Mặt Trời đi giáp một vòng Huỳnh-đạo là 120 năm. Lúc Mặt Trời đi, Mặt Trời lôi cuốn cả Mặt Trăng, Trái Đất cũng đi theo. Đi mỗi cung phải 10 năm.

Do sự vận chuyển tuần tự của các hành-tinh mà nhà chiêm tinh đoán biết trước được vận-mạng, tương-lai của nhơn-loại và các nước trên địa-cầu.

Nếu biết được giờ, ngày, tháng, năm sanh của một người nào thì đoán được vận-mạng và tương-lai của người ấy.



LÀM SAO MÀ BIẾT ĐƯỢC VẬN-MẠNG VÀ TƯƠNG-LAI

Mặt Trời, Trái Đất, Mặt Trăng, cứ xoay tròn và đi tới tuần-tự, có giờ, khắc.

Nhà đoán số cần biết giờ, ngày, tháng, năm sanh của đứa nhỏ, để tìm coi ngay lúc sanh ấy Trái Đất đã đi đến

cung nào trong 12 cung của đường Huỳnh-đạo. Khi tìm được rồi (1) thì lập mạng nơi cung đó (2), rồi coi có những sao gì đóng ở đó ; kể đó xem coi giờ phút ấy ở ngoài cung, các ngôi sao nào chiếu ngay, hoặc chiếu cạnh Trái Đất (ở ngoài cung có cả những sao của ba cung khác chiếu vào).

Các ngôi sao của bốn cung (ba ngoài cung và một nội cung) xạ thần-lực (ảnh-hưởng của chúng nó) vào thể-xác của đứa nhỏ vừa lọt lòng mẹ. Thể-xác lúc ấy như tờ giấy chậm, rút thần-lực của các hành-tinh của bốn cung xạ vào, rồi về sau suốt đời nó chịu ảnh-hưởng của những hành-tinh ấy. Vì thế mà tương-lai của đứa nhỏ sức-khỏe, bình-hoạn, hôn-nhơn, lúc thịnh-vượng, lúc suy-vi, nghĩa là tất cả sự thăng-trầm trên đường đời của nó đều do ảnh-hưởng tốt, xấu của các hành-tinh này.

Đồng đứng chung nhau trên Trái Đất, nhưng mỗi người đều chịu ảnh-hưởng khác nhau, là vì không phải cùng nhau sanh ra trùng giờ, ngày, tháng và năm. Giờ nào lọt lòng mẹ, hấp thu thần-lực của những hành-tinh nào thì chịu ảnh-hưởng của những hành-tinh ấy.

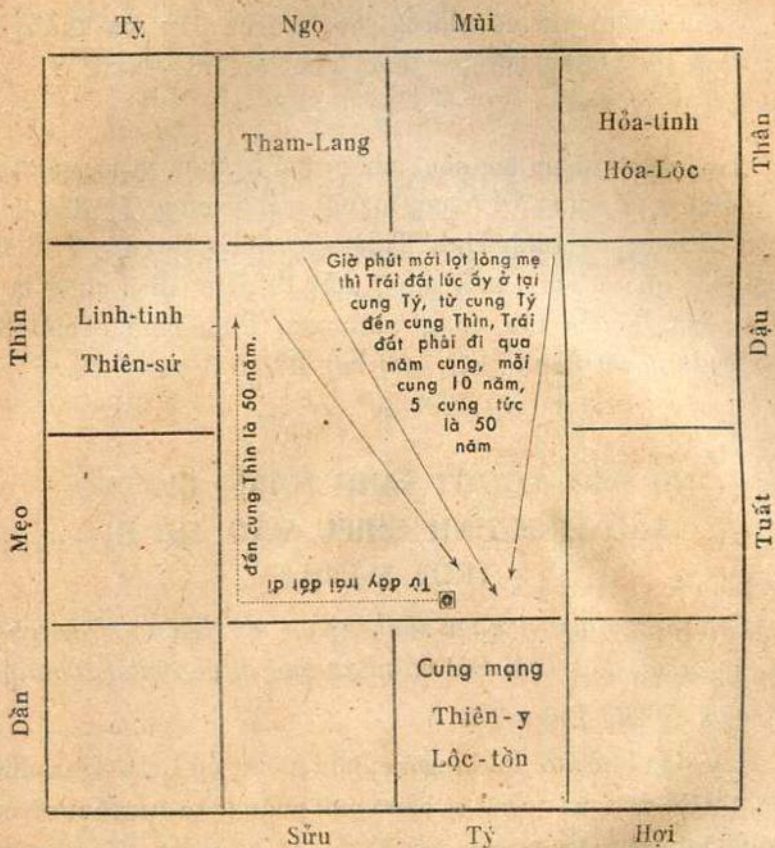
Trang bên đây có giải vài lá số để cho bạn đọc thấy rõ ảnh-hưởng của các hành-tinh.

(1) Cách tìm này rất dễ vì Đức Trần-Đoàn có chỉ rõ trong sách, biết được : giờ, ngày, tháng, năm sanh là biết được Trái Đất ở đâu đối với 12 cung của đường Huỳnh-Đạo.

(2) Mạng ở cung nào, thì lúc sanh ra, Trái Đất ở cung ấy.

Lá số (Horoscope) của người bị Trời đánh

Người này giàu có làm nghề thuốc, hoặc làm Thầy thuốc. Tánh-tinh xấu-xa, lúc 50 tuổi bị Trời đánh (sét đánh).



Hình số 3

Lá số này có sao Thiên-y tại cung mạng thì người ấy lớn lên làm Thầy thuốc hay là sanh sống về nghề thuốc.

Có sao Lộc-tồn tại cung mạng, và sao Hóa-lộc chiếu vào thì làm giàu dễ-dàng nhờ nghề thuốc.

Có sao Tham-Lang chiếu ngay cung mạng thì tánh người tham-lam, dâm-dục, bất nhơn, tìm thế bóc-lột người.

Có sao Hỏa-tinh, Linh-tinh, Thiên-sứ chiếu vào thì thầy thuốc vô nhơn đạo sẽ bị trời đánh (sét đánh) vì sao Hỏa-tinh là lửa, Linh-tinh là sấm-sét, Thiên-Sứ là linh của Trời.

Sanh nhằm giờ có những sao kể trên đây mà không có cứu-tinh thì không thể nào thoát khỏi bị Trời đánh.

*

Trời đánh nhằm lúc nào: nhằm lúc 50 tuổi, vì lúc sanh ra, Trái Đất ở tại cung Tý (cung mạng) mà từ cung Tý đến cung Thìn là cung có Linh-Tinh, Thiên-Sứ đồng vào đó. Trái Đất phải trải qua 5 cung, mỗi cung mất 10 năm, đi 5 cung là 50 năm; chừng đến tận cung Thìn gặp Linh-Tinh, Thiên-Sứ, người đó bị sét đánh chết, (coi bản đồ số 3 trang 37).

*

TẠI SAO NGƯỜI SANH NHĂM GIỜ CÓ SAO LINH-TINH CHIẾU VÀO THÌ BỊ TRỜI ĐÁNH?

Còn những người khác sanh nhằm giờ không có nó chiếu vào, lại khỏi, dầu Trái Đất và nhơn-loại đi đến cung Thìn gặp nó cũng không sao.

Lúc đũa nhỏ vừa lọt lòng mẹ, nếu giờ ấy có Linh-Tinh chiếu vào, thì thể xác của nó rút và chứa một phần thần-lực sấm-sét của Linh-Tinh, nên trong con người của nó có mầm điện sấm-sét, nhưng mầm đó còn yếu. Đến chừng Trái Đất xoay đến cung Thìn tức là đến gần sao Linh-Tinh, thì sao này xạ mạnh điện sấm sét thêm vào; do luật đồng-thình tương-ứng, cơ-thể đũa nhỏ đã sẵn chứa mầm điện sấm-sét hồi lúc mới sanh, nay gặp điện sấm sét của Linh-Tinh xạ thêm thì thể-xác đũa nhỏ tự nhiên rút vào, càng lúc càng nhiều. Khi chứa đầy đủ, điện sấm-sét ấy có sức mạnh riêng, sẽ hút sét Trời đánh, dầu cách xa nó cũng hút

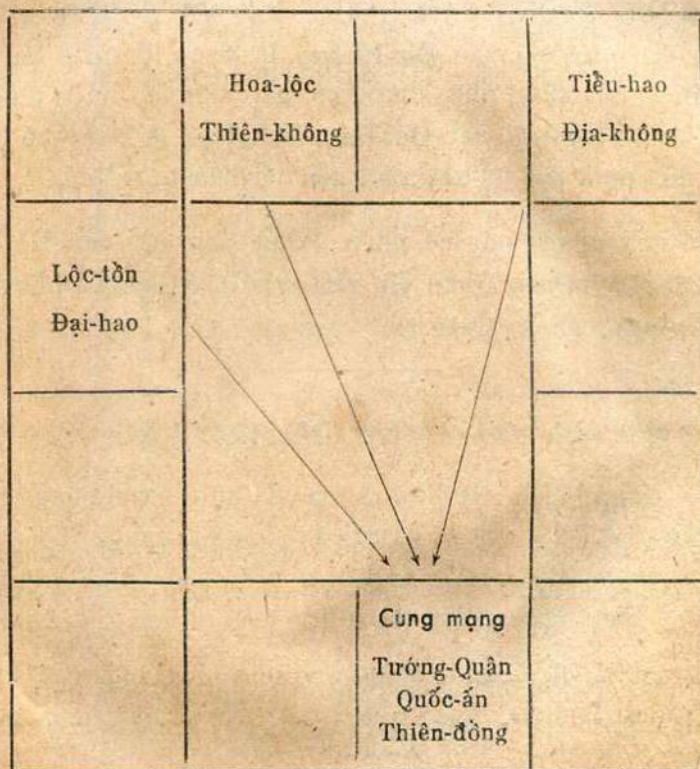
vào, nên nó bị sét đánh chết. Lúc ấy, thê xác của nó không khác cây thâu-lôi (paratonnerre), hễ sét đánh thì thâu-lôi tự nhiên rút.

Thế là người ấy chết về nạn trời đánh và chết lúc 50 tuổi bởi vì kể từ ngày sanh, trái đất phải đi 50 năm mới đến cung có Sao Linh-Tinh đóng (coi bản đồ số 3).

Với thí-dụ trên đây, chúng ta thấy rằng khoa tử-vi có mạch-lạc, luật-lệ và thống-hệ. Nó là một khoa-học chắc-chắn và rành-rẽ vậy.

MỘT LÁ SỐ KHÁC

Làm quan võ, tu hành, lương bổng cao,
nhưng nghèo



Hình số 4

Đoán đại-cương lá số bên đây :

Người này làm quan võ mà là người tu hành, tiền vô rất nhiều, nhưng không cầm của được, nên rất cuộc vẫn nghèo.

Ảnh-hưởng của những ngôi sao trong lá số.

- a) — LÂM QUAN VÕ : vì ở cung mạng có sao **Tướng-quân** và sao **Quốc-ấn**.
- b) — TU - HÀNH : là tại cung mạng có sao **Thiên-đồng** (ông Bụt của Trời) tức nhiên có ảnh-hưởng tu-hành.
- c) — TIỀN VÔ NHIỀU : nhờ sao **Hóa-Lộc**, **Lộc-Tồn** chiếu vào.

NHƯNG KHÔNG CẦM ĐƯỢC CỦA VÀ NGHÈO, vì bởi có sao **Thiên-Không**, sao **Địa-Không**, là 2 sao làm cho tán tài, nên dầu có của cũng như không có, gặp việc bắt buộc phải ra hết tiền; lại thêm có sao **Đại-Hao**, **Tiểu-Hao** là 2 sao có ảnh-hưởng bắt phải xài to, xài nhỏ, xài hết tiền mới thôi.

Đời của người này có phần giống như đời của Đô-Đốc D'Argenlieu, vừa làm quan võ, vừa làm Đức-Cha, ăn bổng lộc nhiều, nhưng không giàu.

MỖI LÁ SỐ PHÂN RA 12 CUNG (1)

1. — **Cung Mạng** : là bản-mạng của mình. Coi cung mạng biết liền, về đại-cương, người ấy ở vào hạng nào trong xã-hội? sang hay hèn? tánh-tình hiền hay dữ? tướng-tá thể nào? làm nghề gì và thọ được bao nhiêu tuổi?...

2. — **Cung Phụ-mẫu** : chỉ cho biết cha mẹ thọ hay yểu? giàu hay nghèo? làm nghề gì? người có đức hay thất đức?

(1) Coi bản đồ trang 45.

3.— **Cung phước-đức** : chỉ họa-phước cuộc đời thăng trầm của con người.

4.— **Cung điền-trạch** : cho biết trước có nhiều hay ít nhà cửa, ruộng vườn, hoặc trọn đời không có một xẻo đất cắm dùi, không tạo được một cái nhà để ở, v.v...

5.— **Cung quan-lộc** : chỉ về sự làm quan (hay làm dân), quan thanh-liêm, hay là sâu dân một nước, làm quan suốt đời hay nửa đường bị cách chức hoặc bắt buộc phải xin thôi v.v...

6.— **Cung nô-bộc** : cho biết coi tôi tớ, bạn bè tốt hay xấu, trung-thành hay là phản-bội ; những người giúp việc có tài giỏi học hành cao hay là đần-độn, dốt-nát, v.v...

7.— **Cung thiên-di** : cho biết khi đi ra ngoài có nhiều may mắn hay là tai-họa, làm ăn phương xa có lợi to hay là thất bại, v.v...

8.— **Cung giải-ách** : cho biết tai họa nhiều hay ít, lúc tai-họa có người cứu-vớt hay phải cam lòng chịu khổ, v.v...

9.— **Cung tài-bạch** : cho biết chắc chắn giàu hay nghèo, đến bạc nào ; cầm của được hay là tán gia bại sản, v.v...

10.— **Cung tử-tức** : cho biết con nhiều hay ít, con thông-minh hay là ngu-đần, nghèo hay giàu, làm quan hay làm nghề nghiệp gì, v.v...

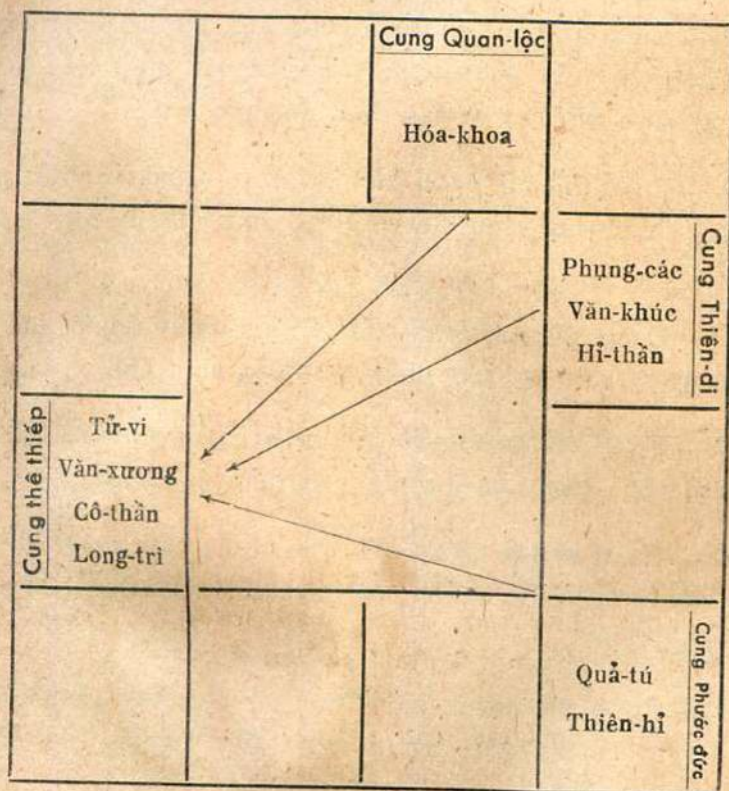
11.— **Cung thê-thiếp** : biết được vợ đẹp hay xấu, thông-minh hay là ngu-dốt, trung-trinh hay ngoại-tình, lãng-mạn, v.v...

12.— **Cung huynh-đệ** : cho biết có bao nhiêu anh em, anh em thuận hòa, thương yêu nhau hay là trâu trắng trâu đen, làm quan hay làm dân, giàu hay nghèo, v.v...

Tánh-cách đại-cương của 12 cung là như thế. Muốn được biết tỉ-mỉ thì phải tinh từ giờ, từ ngày, tháng, năm, coi mạng (1) đi đến đâu, dưới ảnh-hưởng của hành-tinh nào, xấu hay tốt.

LÁ SỐ THỨ 3

bàn riêng về cung **Thê-Thiếp** (cung vợ)
Vợ đẹp, giỏi về văn-chương, đung-dần
vui-vẻ, thi đậu, tánh cô-độc



Hình số 5

Các sao của cung Thê-thiếp còn chịu ảnh-hưởng của

(1) Trái đất đi đến cung nào thì vận-mạng do cung ấy.

những sao ở cung Quan-lộc, Thiên-di, Phước-đức chiếu vào.

Xem lá số này chúng ta thấy rõ cung thê thiệp rất tốt.

Người Vợ Đẹp: là nhờ ảnh-hưởng của hai vì sao Long-tri, Phụng-các: đẹp-đẽ phương-phi như rồng như phụng.

Giỏi về Văn-Chương: là nhờ ảnh-hưởng của hai sao Văn-xương và Văn-khúc.

Nết Na Mực Thuộc: do ảnh-hưởng của Tử-vi là sao rất tốt, và đúng đắn.

Tánh Tình Vui Vẻ: là nhờ ảnh-hưởng của hai sao Thiên-hỷ, và Hỷ-thần.

Thi Đậu, Có Văn Bằng: vì có sao Hóa-khoa.

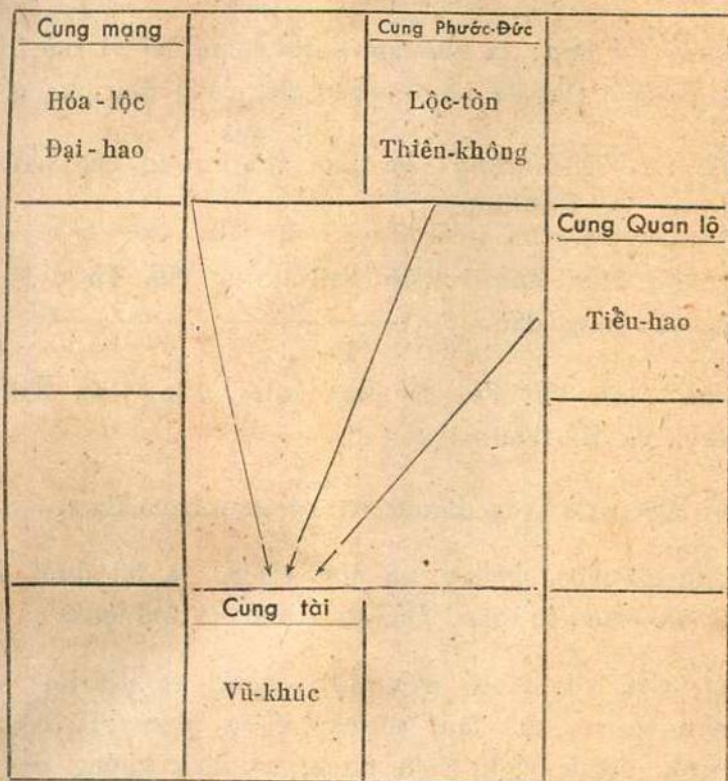
Tánh cô-độc, không ưa giao thiệp: là tại dưới ảnh-hưởng của sao Cô-thần, Quả-tử (canh có mồ quả).

Nói tóm, với lá số trên đây, người vợ rất tốt: đẹp, đúng-đắn vui-vẻ, thi đậu, có cấp bằng, nhưng lại có tánh trầm tĩnh, thích chốn tịch mịch, u-nhàn không ưa chỗ phồn hoa đô hội.

Còn trái lại, nếu cung thê chịu ảnh-hưởng của những sao xấu như: Đào-hoa, Hồng-loan, Hóa-ky, Đà-la, thì người vợ trắc nết, ngoại tình và sâu độc.

LÁ SỐ THỨ 4

Giải riêng về cung Tài-bạch.



Hình số 6

Cung tài: chịu ảnh-hưởng của ba cung, cung Mạng, cung Phước-đức và cung Quan-lộc chiếu vào.

Xem lá số trên đây, thấy rõ cung tài không được tốt. Tiền của vô thật nhiều, nhưng có chuyện phải tiêu xài ra hết.

Vô nhiều tiền: là nhờ sao Vũ-khúc (là tài-tinh) lại đóng tại cung tài nên rất hợp, tiền vô rất nhiều, lại thêm có sao Hóa-Lộc, Lộc-tồn chiếu vào thì tiền của vô càng dồi dào.

Nhưng cầm của không được: vì bị sao Đại-hao Tiêu-hao khiến phải có chuyện tiêu sài, hao tổn rất nhiều. Bởi qua bỏ lại vô

tiền nhiều, mà ra cũng nhiều thành thử bề ngoài coi như là người giàu lớn, vì làm ăn lớn, nhưng bên trong thì không có dư tiền.

Đến lúc vận xấu, gặp sao Thiên-không chiếu vào, thì năm ấy sạch túi, tử tiền cạn khô, sự nghiệp suy đổ.

Trái lại nếu lá số nào có nhiều sao tốt như Vũ-khúc, Hóa-lộc, Lộc-tồn mà không gặp những sao xấu như Đại-hao, Tiểu-hao, Thiên-không thì giàu to và bền.

Giải nguyên lá số của một người sanh nhằm giờ, ngày, tháng năm dưới đây :

(Tuổi Bính-Ngo, sanh giờ Sửu ngày 29 tháng năm).

<p align="center">Cung Mạng</p> <p>Thiên-tướng, Lộc-tồn, Bác-sĩ, Văn-khúc, Thiên-quan, Quý-nhơn, Thiên-y, Thiên-riêu.</p> <p align="center">TRIỆT</p>	<p align="center">Cung Phụ-Mẫu</p> <p>Thiên-lương Hữu-bật Nguyệt-đức Thái-tuế Lực-sĩ Kinh-dương, Thai.</p>	<p align="center">Cung Phúc Đức Thần</p> <p>Liêm-trình, Thất-sát, Thanh-long Phong-cáo Thiên-không Thiếu-dương Đương, Hóa-ky.</p>	<p align="center">Cung Điền-Trạch</p> <p>Thiên-mã, Tả-phụ, Tiểu-hao, Tang-môn, Trường-sanh Thiên-hư Cổ-thần</p>	
<p align="center">Cung Huynh-Đệ</p> <p>Cự-môn Quan-phủ Đà-la Mộ Phượng-các Quả-tử</p>	<p align="center">Thần Dậu Tuất</p> <p>Mùi</p> <p>Ngo</p> <p>Ty</p> <p>Thìn</p> <p align="center"> Tuổi Bính-Ngo Tháng năm Ngày 29 </p> <p align="center"> Giờ Sửu Đương-nam Thủy-mạng Thủy nhị cuộc </p> <p>Hợi</p> <p>Tý</p> <p>Mẹo</p> <p>Dần</p> <p>Sửu</p>			<p align="center">Cung Quan-Lộc</p> <p>Văn-xương Hóa-khoa Thiên-việt Hồng-loan Thiếu-âm Tướng-quân</p> <p align="center">Mộc-dục</p>
<p align="center">Cung Thê-Thiếp</p> <p>Tử-vi, Tham-lang, Phúc-đức, Đào-hoa, Thiên-hỷ, Thiên-đức, Tử, Đâu-quân Thiên-đức Phục-bình</p> <p align="center">TUẦN</p>	<p align="center">Mẹo Dần Sửu</p>			<p align="center">Cung Nô-Bộc</p> <p>Thiên-dông Hóa-lộc, Long-trì, Hoa-cải, Quan-phủ, Địa-không Quan-đới Thiên-không</p>
<p align="center">Cung Tử-Tức</p> <p>Thái-âm, Thiên cơ, Bạch-hồ, Hòa-tinh, Linh-tinh Bác-tọa Thiên-quý, Bệnh, Hóa-quyển, Đại-hao.</p>	<p align="center">Cung Tài-Bạch</p> <p>Thiên-phủ Bệnh-phủ Long-đức Suy Quốc-ân</p>	<p align="center">Cung Giải-Ách</p> <p>Thái-dương, Đế-vương Tam-thai, Hỷ-thần, Ân-quang, Địa-kiếp, Thiên-phúc-quý-nhơn Tuế-phá, Thiên-sứ, Thiên-khốc, Thiên-hư</p>	<p align="center">Cung Thiên-Di</p> <p>Vũ-khúc Phá-quân Phi-liêm Thiên-khôi Kiếp-sát Tử-phù, Lâm-quang.</p>	

ĐOÁN TRỌN LÁ SỐ TRÊN ĐÂY :

Tuổi Bính-Ngọ, sinh giờ Sửu, ngày 29 tháng 5

Được những cách (1) tốt dưới đây :

1.— Phủ-Tướng triều-viên : Cung mạng có sao Thiên-Tướng gặp sao Thiên-Phủ chiếu thì rất tốt.

2.— Khoa-Lộc, Xương-Khúc triều-viên : Hóa-lộc ở mạng, gặp sao Hóa-khoa, Văn-xương, Văn-khúc chiếu về thì rất hap, rất tốt.

3.— Khôi-Việt chiếu mạng : Thiên-khôi, Thiên-việt chiếu vào cung mạng thì rất tốt.

4.— Thiên-Tướng ngộ Thiên-Y (cung mạng có sao Thiên-tướng và Thiên-y thì làm về nghề thuốc).

5.— Vũ-khúc, cư Thiên-di : (làm giàu về buôn bán).

6.— Thiên-phủ, cư Tài-bạch, giáp Nhựt-Nguyệt (Thái âm, Thái-dương) sách nói cách này là cách đại-phú.

Đoán 12 cung trong lá số, khởi đầu nói về cung mạng CUNG MẠNG

Thiên-tướng ngộ Thiên-y : thì phải làm về nghề thuốc.

Văn-khúc và Văn-xương : (chiếu vào) thì làm việc văn hay chữ tốt.

Thiên-việt, Thiên-khôi : (chiếu về cung mạng) thì được nổi tiếng, có danh.

Có Hóa-khoa chiếu vào : có lần thi đậu, nhưng không đậu bằng cấp lớn, là vì có sao Triệt nên không học được cao.

Có Sao Bác-sĩ : là người thông-minh, dẫu học ít cũng thông-minh và thấy xa hiểu rộng.

Có Sao Lộc-tồn : tại mạng, thì trọn đời có lộc, không thiếu thốn, vất vả.

(1) Cách : Nghĩa là chung hợp cùng nhau những sao thuận và tốt.

Cung Phúc-đức

Có *Liêm-trình*, *Thất-sát* và *Thiên-không* : là những sao xấu làm cho hao tài tổn của rất nhiều, nhưng nhờ có phúc-tinh là **Thanh long** và **Hóa-kỵ** đặc-địa (như rồng gặp mây) nên gặp nhiều cơ-hội mau vô tiền trở lại và hưởng phước bền-bỉ.

Cung Phụ-mẫu

Thiên-lương : cho biết cha mẹ được thọ (sống lâu).

Kinh-dương phùng Lực-sĩ : dầu cha mẹ có tài cũng không làm quan được. Sách nói : *Kinh-dương Phùng Lực-sĩ*, *Lý-Quản* bất phong hầu. Tài như *Lý-quản* cũng không được phong hầu.

Thiên-quan quý-nhơn (chiếu vào) cha mẹ được nhiều người kính nể.

Thiên-khóc, *Thiên-hư* (chiếu vào) : ở cùng nhau tại cung *Tý-Ngo*, thì cha mẹ tiền bản hậu phú.

Sách nói : *Khóc Hư Tý Ngọ* đồng cung, tiền bản hậu phú mới cam số này.

Cung Điền-trạch

Tả phụ Thiên-mã : làm cho có nhiều ruộng.

Tả-phụ là người làm ruộng, còn *Thiên-mã* là con ngựa chạy giỏi, chạy mới giáp vòng ruộng, có ý nghĩa là sau rốt sẽ có nhiều ruộng vườn rộng lớn.

Cung Quan-lộc

Có *Văn-xương* và *Hóa-khoa* thì thi đậu và làm việc văn, làm việc cho chánh-phủ. Nhưng làm không bền là vì sao **Triệt**, (đóng tại cung-mạng) nên bị triệt lại, niu lại, không cho làm nữa, phải từ chức.

Cung Nô-bộc

Có *Hữu-bật* chiếu vào tức là có nhiều người giúp đỡ.

Hoa-cái : chỉ rằng người giúp đỡ có học thức cao, và người có danh.

Hoa-lộc : thì tôi tớ làm lợi cho mình.

Cung Thiên-di

Cung thiên-di mà có sao vũ-khúc (là tài tình) có ảnh-hưởng rất tốt về tiền bạc, nên ngoài nhà buôn chánh, còn có nhiều nhà buôn ngành ở các nơi, là những đại-lý bán giúp để làm giàu cho mình.

Sách có nói, nếu cung Thiên-di mà có sao Vũ-khúc đóng, thì có nhiều người buôn bán giúp cho mình làm giàu.

Cung giải-ách

Bị ảnh-hưởng của sao *Thái-dương* (Mặt Trời) nên thường hay nhức đầu, có *Địa-kiếp* thì thường hay đau bụng.

Nhờ có phúc-tinh là sao *Thiên-phước qui-nhơn*, làm giảm bớt ảnh-hưởng xấu, nên nhức đầu và đau bụng qua loa mà thôi.

Khi trở về già thì hay sanh bệnh đau mắt, vì có sao *Thái-dương* (hãm địa) lại gặp *Đà-la* chiếu về, nên hay sanh đau mắt.

Cung Tài-bạch

Có Thiên-phủ giáp hai sao Nhựt Nguyệt (*Thái-dương*, *Thái-âm*) nên giàu lớn vì sách có nói : Thiên-phủ cư tài, giáp Nhựt Nguyệt thì giàu to. Lại thêm có *Lộc-tồn* chiếu vào, nên sự nghiệp bền-vững, tiền bạc dồi-dào (vì *Lộc-tồn* là kho tiền vô tận).

Cung Tử-túc

Có Bạch-hồ đóng, thì ít con, vì Bạch-hồ là giống cọp trắng,

không bao giờ nhiều con, dẫu đẻ nhiều, thì chỉ nuôi được một hai con mà thôi. (1)

Có sao *Hỏa-quyền*, *Hỏa-lộc* nên về sau các con có lộc, làm giàu, lại còn được nhiều người quý mến là nhờ có sao *Thiên-quý*, và ở địa-vị cao, là nhờ có sao *Bác-tọa*.

Cung Thê-thiếp

Có sao tử-vi thì vợ có đức-hạnh phúc-hậu, vì sao tử-vi là sao đúng-đắn hơn hết.

Văn-xương : vợ giỏi về văn (văn hay).

Hóa-khoa : học giỏi, thi đậu, có cấp bằng.

Thiên-hỷ : tánh-tình vui vẻ, niềm nở.

Tham-lang : là sao xấu, lẽ thì người vợ có tánh tà dám ngoại tình nhưng rất may nhờ có sao tử-vi kèm-chế, nên mới được đúng-đắn.

Cung Huynh-đệ

Cung Huynh-đệ có sao *Triệt* và *Đà-la* thì anh em không thuận; gần nhau, gặp nhau là chống báng. Không nên tìm thể ở gần nhau để tránh những nỗi bận lòng (xa một chân, gần một miệng càng gần càng nghịch ý).

Đoán sơ lá số trên đây, để cho thấy tánh cách khoa-học của khoa Tử-vi.

Nếu nói tỉ-mỉ về ảnh-hưởng của mỗi ngôi sao, lúc nào thuận (đắc-địa) lúc nào nghịch (hãm-địa) thì dài dòng lắm.



(1) Cọp sanh nhiều mà nuôi không được là vì, trong khi cọp con đang ngâm vú bú, rui lúc ấy cọp mẹ gặp mồi, thì nó tuông nhảy để bắt mồi, cọp con nhả vú không kịp, phần răng bén, nên cắn đứt vú mẹ. Không còn đủ núm vú, lấy đầu cho con bú, cọp con vì đói mà chết bết.

Bây giờ xin giải tại sao xem số Tử-vi mà biết được lúc nào đau ốm, ngày giờ chết, cũng là sự hưng-suy ở đời.

Lúc nào đau

Đau ốm : Giải theo y học Đông-phương là do ngũ-tạng không điều hòa, ngũ khí (1) không đầy đủ nên sanh ra đau.

Đau ốm : Giải theo khoa tử-vi khi trái đất đi đến một cung mà ở đó có nhiều sao nghịch với bản-mạng của mình chiếu vào, làm tổn sanh lực trong ngũ-tạng tức thì phải đau, ví như tuổi Bính-Ngọ, mạng hỏa, thì kỵ cung thủy và sao thủy. Theo luật tương khắc thì Thủy, Hỏa chẳng những không hợp mà còn xung khắc (thủy khắc hỏa). Trái đất xoay vần đến cung thủy và gặp nhiều sao thủy thì *Hỏa-mạng* của người đó bị thủy (nước) tưới vào rất nhiều, phải tắt lữa, bớt sanh-lực, mất quân-bình, sanh ra đau. Nếu như người đó số chưa chết thì có cứu tinh như sao *Thiên-long*, *Thiên-giải* chiếu vào, khiến cho bệnh nguy gặp được thầy giỏi cho uống những chất thuốc đúng theo căn bệnh thì được mau mạnh.

Lúc nào chết và tại sao chết

Trái lại, như người bệnh nói trên chẳng những không gặp được cứu tinh là sao *Thiên-long*, *Thiên-giải* mà lại gặp những sát tinh như *Thất-sát*, *Đà-la*, *Điếu-khách*, *Thiên-khốc* và *Tử*, thì đã đến ngày tận số vậy (mạng dĩ tuyệt) không thầy thuốc nào cứu nổi. Bởi nhiều sao nghịch chiếu vào mạng cùng một lúc, nên sanh lực trong con người tàn hết, khô cạn, người đau kiệt quệ, bóng hơi thở cuối cùng hồn lìa khỏi xác...

(1) Là ngũ-hành : Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ.

Biết trước được ngày giờ đau, hoặc chết

Đoán trước được ngày giờ đau hoặc chết là nhờ biết được giờ sanh, biết lúc ấy Trái Đất ở cung nào (1), rồi tìm coi bao nhiêu năm nữa và giờ nào Trái Đất sẽ đi đến cung nghịch có nhiều sát-tinh chiếu vào làm tản sanh-lực, nên phải đau, hoặc phải chết như đã giải ở trên. Tỷ như người đã nói trong lá số (số 3 trang 37) đến 50 tuổi bị sét đánh chết, là vì Trái Đất xoay 50 năm mới gặp những sao sát-tinh, nghịch với bản-mạng người ấy. Đùng ngày giờ gặp những sao đó, mà không gặp cứu-tinh, thì phải chết.

Làm ăn tấn-phát

Trong lúc Trái Đất chuyển-vận theo đường Hoàng-Đạo, nếu bản-mạng gặp những sao như *Vũ-khúc* là tài-tinh, và còn gặp *Hóa-lộc*, *Lộc-tồn* có ảnh-hưởng về tiền bạc, lợi-lộc chiếu vào thì tự nhiên có những cơ-hội đưa đến để làm ra tiền hoặc mua may bán đất, hoặc trúng số, hoặc ở đâu đưa đến một công chuyện làm (affaire) có lợi nhiều, v.v... Gặp những sao ấy thế nào cũng phát tài.

Lúc nào nghèo

Trái lại, không gặp sao tốt về tiền bạc, mà lại gặp những sao như *Đại-hao*, *Tiểu-hao*, thì hao tài tổn của; nếu gặp thêm sao *Thiên-không* chiếu vào, thì tán gia bại sản.

Lúc nào cưới vợ, lấy chồng

Lúc nào bản-mạng đi đến cung có những sao *Hồng-loan*, *Thiên-hỷ*, *Hỷ-thần* là đến lúc phải có vợ hoặc lấy chồng.

(1) Trái Đất ở cung nào thì bản-mạng ở cung nấy.

Tại sao cùng một giờ một ngày, cùng chung trên Địa-cầu, mà người được phát tài, kẻ tán gia bại sản, người chết, kẻ sống

Giải đoạn này, phải căn cứ vào hai nguyên-tắc :

1.— Nguyên-tắc thứ nhất : Do luật tương-sanh, tương-khắc của ngũ-hành. Được tốt : được phát tài, được những điều may mắn là nhờ tương-sanh.

Các vì sao đương chiếu lúc ấy, hợp với những tuổi nào, thì tuổi ấy được ảnh-hưởng tốt mà thôi, tỷ như những sao tốt thuộc về hành Hỏa thì hợp (tương-sanh) với những người mạng Thổ mà thôi (theo luật tương-sanh : Hỏa sanh Thổ). Trái lại sao tốt thuộc về hành Hỏa, thì nghịch hẳn với mạng Kim, (Hỏa khắc Kim) nên người mạng Kim chẳng những không tiếp được ảnh-hưởng lành của sao Hỏa mà còn bị sao Hỏa sát hại (có thể chết).

2.— Nguyên-tắc thứ nhì : Do luật hấp-dẫn và đồng-thình tương-ứng người sanh nhằm giờ có sao tốt như sao Hóa-lộc, Lộc-tồn chiếu, thì về sau mỗi khi Trái Đất xoay đến cung có những sao tốt ấy, thì chỉ người đó mới được hưởng.

Các người khác không phải sanh nhằm giờ có nó, thì không hưởng được gì của nó.

Các sao xấu cũng vậy, nó xạ ảnh-hưởng xấu xuống trái đất, nhưng chỉ những ai trước kia lúc sanh ra có nó chiếu vào, thì người ấy bấy giờ phải rút ảnh-hưởng xấu của nó mà thôi.

Vi-dụ : Một mục-dồng (người coi trâu) số bị trời đánh (sét đánh). Đứng ngay giờ thì chỉ một mình nó bị sét đánh mà thôi, dầu lúc đó nó ngồi trên lưng trâu, con trâu cũng không hề hấn gì cả.

Vi lẽ tên mục-dồng sanh nhằm giờ có Linh-tinh chiếu, thì trong người của nó có mầm giống của Linh-tinh tức là tánh-chất

thâu lòi (rút sấm sét). Đến lúc có sét đánh, chỉ một mình nó rút sét mà thôi. Còn con trâu, không sanh nhằm giờ có Linh-tinh, thì không sao cả.

Vận-mạng các nước trên Địa-cầu

Lúc nào có giặc, giặc nổi tại đâu, và chừng nào hết giặc. Muốn biết được những việc vĩ-dại như thế này, thì phải học khoa tử-vi cho tinh-tường.

Những bực uyên-thâm về khoa Chiêm-tinh như Trang-Trình Nguyễn-Bình-Khiêm nước ta, như Khổng-Minh Gia-Cát-Lượng nước Tàu, biết được quá-khứ, đoán trước được vị-lai, tri bá niên tiền, bá niên hậu.

Nguyên-tắc sau đây có thể giúp cho hiểu sơ qua các việc vĩ-dại nêu ra đó.

Như đã có giải rồi, con người là bầu Trời đất nhỏ, (nhơn-sanh như tiên-thiên-địa). Biết được con người lúc nào đau, lúc nào mạnh, lúc nào chết, thì cũng biết được Trái Đất lúc nào đau, lúc nào mạnh, lúc nào chết, v.v...

Con người đau, Trái Đất cũng đau như con người

Con người có ngũ-tạng, ngũ-tạng không điều-hòa thì sanh ra đau. Trái Đất cũng có ngũ-tạng, (tức là ngũ-châu, ngũ-châu không điều-hòa thì Trái Đất cũng đau, châu nào đau, thì châu ấy bị thiên-tai bịnh-hoạn mất mùa, hoặc nổi giặc.

Tại sao Âu-châu nổi giặc ?

Nổi giặc hồi năm 1939 và qua 1945 thì hết giặc.

Âu-châu nổi giặc 1939 là vì năm ấy Trái Đất xoay đến cung có Hỏa-tinh (Mars). Mà các sách số người Âu-châu đều nói rằng: Hỏa-tinh là ngôi sao sanh giặc (Mars a une influence guerrière).

Tại sao năm 1939 giặc nổi ở Âu-châu mà không nổi nơi khác?

Như đã có giải ở một đoạn trước, Âu-châu thuộc Kim (1) theo luật tương-khắc thì Hỏa khắc Kim.

Hỏa-tinh (Mars) khắc Kim, tức là khắc Âu-châu, vì Âu-châu thuộc Kim.

Trái Đất năm 1939 đi đến cung gặp sao Hỏa-tinh (Mars) chiếu ngay vào làm tan sanh-lực tạng Kim của Trái Đất, nên tạng Kim tức là Âu-châu phải đau, Âu-châu phải nổi giặc hồi năm ấy, là vì nguyên-do đó.

Và lúc nào hết giặc

Chừng Trái Đất đi qua khỏi cung có sao Hỏa-tinh, Trái Đất không còn bị chiếu ngay nữa thì Âu-châu hết giặc.

Nguyên do sanh giặc và hết giặc là như thế. Muốn biết rõ tỉ-mỉ, thì phải học thâm sâu về khoa tử-vi. Chúng ta ai muốn theo bước Trang-Trinh và Khổng-Minh thì chí-tâm học-hỏi như hai Ngài, rồi sẽ rõ chỗ huyền-bí của máy tạo.

Tác-giả

NGUYỄN-VĂN-LƯỢNG

« THÔNG-THIÊN-HỌC »

24. Trần-Khắc-Chân

Đ.T.: 20.544 — 41.605

CHUNG

Quyển sách này chỉ giải về nguyên-lý và nguyên-tắc khoa y-học Đông-phương và khoa Tử-vi. Bạn đọc muốn học cho tinh-tường hai khoa này thì tìm học sách Tàu. Đã có một ít sách dịch ra quốc-văn và có bán khắp nơi.

Riêng khoa Tử-vi, tôi sẽ cho ra thêm nhiều quyển, để chỉ cách lấy số, và đoán số.

Những sách, tôi sẽ xuất bản, đều do nguồn gốc sách Tàu dịch ra, do theo đó các bạn sẽ lấy số, và đoán số một cách dễ-dàng.

(1) Âu-châu thuộc kim, sắc trắng, dân Âu-châu màu da trắng.

Vài lời bình - luận

(về định-mạng)

Tất cả nhơn-vật trên Địa-cầu, từ khi lọt lòng mẹ, là đã mang theo mình cho đến chết một số mạng đã định

Lúc giàu sang, khi nghèo khó, lúc hoạn-nạn, khi ốm đau v.v... nói tóm là: các cuộc thăng trầm, họa phước của một đời người đều có sắp sẵn trước cả.

Muốn biết trước vận-mạng và tương-lai của mình, thì cho biết thật đúng giờ sanh, ngày, tháng năm sanh, nhà đoán số do theo ngày giờ đó, sẽ phăng ra từ manh-mối cho mình một lá số bằng khoa Tử-vi đầu-số.

Mặt Trời, Mặt Trăng, Địa-cầu đều xoay tròn (rotation) và đi tới (translation) có tuần-tự, có giờ khắc, thì vận mạng, sang hèn, bần-phú, tai nạn trong đời sống của nhơn-loại và vạn-vật cũng tùy theo giờ khắc xoay chuyển đó mà thay đổi, khi xấu, lúc vui, lúc buồn v.v...

Các hành-tinh ở chung quanh Địa-cầu, không khác những vị Thần cầm cân công-bình để thưởng-phạt cho tất cả nhơn-loại và vạn-vật.

Khi trái đất đi đến một cung tốt, và mạng mình sanh nhằm giờ có sao tốt ấy chiếu, thì mình được ảnh-hưởng phước-lành trái lại nếu gặp sao xấu, là gặp chuyện không may.

Kiếp trước làm lành nhiều hơn làm ác, thì kiếp này luật Trời cho linh hồn mình xuống thế sanh vào giờ có nhiều sao lành hơn sao dữ, hưởng được nhiều phước lành hơn tai-họa.

Sao lành có bôn phận tự nhiên là cho ảnh-hưởng về lợi-lộc và những điều may mắn.

Còn các sao dữ (hung-tinh cũng có bôn-phận của nó là xạ ảnh hưởng xấu, sát phạt gieo tai-họa và làm cho tán-gia bại-sản.

Như tôi đã giải rõ, các hành-tinh không phải là vô-tri vô-giác, thần-lực của nó xạ xuống địa-cầu mà hóa sanh muôn loài vạn-vật.

Những tế-bào làm ra hình thể con người, là những phần tử của các hành-tinh vậy.

Ai còn mang xác phàm, là còn phải chịu dưới ảnh-hưởng của hành-tinh.

Nói về định-mạng

Số làm giàu: Số đã định người kia sẽ giàu, thì thế nào cũng giàu, dầu có đem người ấy mà bỏ trong rừng, người ấy cũng có cơ-hội trồng cây, bán cỏ, mà làm ra nhiều tiền của. Đem bỏ người ấy trên non người cũng tìm được đất đỏ, mỏ vàng mà hốt bạc. Đem bỏ nơi một hoang-đảo, cũng làm giàu, như chuyện An-tiêm trong quyển « Quả dưa đỏ ».

Làm giàu do định-mạng thì không khó, và cũng không phải cần có tài giỏi, hoặc mưu-mô... Nếu số phải làm giàu thì dầu ở không, hoặc ngồi một chỗ, cũng có người đem của cho mà hưởng, làm chơi mà ăn thiệt, tiền bạc đến một cách bất ngờ. Như chúng ta đã từng thấy nhiều nhà đại-phú dốt, trí óc rất tầm-thường, không làm nổi một bài toán cộng mà cũng làm giàu được dề-dàng, lại còn làm chủ nhiều người thông-minh, sáng-suốt hơn họ.

Số nghèo: Có nhiều bạc có tài trội hơn người, lại rất giỏi-dẫn, siêng-năng, có ý muốn làm giàu, nhưng vẫn nghèo túng mãi; có lẽ kiếp trước là người ác đức, bất nhơn (1), kiếp này phải bị sanh nhằm giờ xấu, dưới ảnh-hưởng của nhiều sao xấu. Những người ấy rất thông-minh và nhiều mưu mô

(1) Trừ ra trường-hợp của người tu-hành chơn-chánh, kiếp này vẫn có tài, có đức mà nghèo, là tại bị nhời quả, phải chịu nhiều đau khổ, để trả cho rồi quả xấu đã gây ở kiếp trước. Trả cho xong quả rồi thì tu-hành mới mau thành đạo.

nhưng cũng không làm nên được việc gì, suốt đời vẫn đau khổ; cho đến chết cũng không tạo được một cái nhà lá nhỏ để ở, hoặc mua một xẻo đất để chôn thây.

Hai định-mạng bản, phú, kể trên đây, đều do hành động lành dữ ở kiếp trước, mà kiếp này, được hưởng phước, hoặc bị tai họa, chứ không phải có tài giỏi mà làm giàu được.

Luật trời thưởng phạt rất công-bình (1), không ai trốn tránh, khi đã làm ác, và cũng không đòi hỏi được phước lành, phước lành phước ấy vẫn đến tự nhiên, khi đã làm lành.

Lưới trời tuy thưa, mà không lọt. Đấng Tạo-Hóa đã bủa giăng lưới Trời cùng khắp mọi nơi, một lời nói quấy một việc làm lành đều ở trong bóng tối, ở chốn không người, cũng đều có kết quả lành dữ của nó sau này. (2)

Vài lời nhắn nhủ những ai có số tốt và những bạn vô phước ôm theo trọn đời một số kiếp bần cùng, đau khổ!

Được số tốt: Làm giàu, làm quan dễ dàng, được ăn trên ngồi trước sung sướng hơn người, thì nên mừng mà thấy luật Trời công-bình, chứ không nên lấy đó mà tự-đắc, tự cao, kiêu căng, hống-hách cho mình giỏi mới làm giàu, làm quan mà coi rẻ kẻ khác nghèo túng hơn mình, hoặc thấp kém hơn mình. Số càng tốt càng tu hơn tích-đức nhiều hơn nữa.

Ỗ giàu, Ỗ quyền-thế mà khinh khi kẻ khác, là mầm tánh thấp thối của tiều-nhơn. Cử-chỉ ấy không làm cho mình được

(1) Nếu không có luật công-bình, thì những linh-hồn hung-ác, khi đầu thai, họ sẽ giành được số tốt về họ, linh-hồn hiền-lành làm sao tranh lại hồn hung-ác.

(2) Muốn thấu rõ luật Trời hơn nữa xin đọc quyển « Con đường giải thoát » do tôi là soạn-giả, và có bán nơi nhà tôi 24 Trần-khắc-Chân Saigon.

người đời kinh mến, mà còn làm cho thiên-hạ oán-ghét, chứ không ích lợi chi cho mình cả.

Còn những ai vô phước: Mang theo suốt đời một lá số bần cùng, lại thêm tai họa, thì cũng không nên trách Trời đất bất công mà thêm tội, người ấy nên trách lấy mình kiếp trước không khéo tu, không ăn ở cho thuận lòng, thì lẽ tất nhiên bị luật Trời dày đọa chịu đau khổ, nghèo khó, và hoạn nạn, để trả mỗi nợ tiền thân, đền tội ác đã trót lỗi gây ra ở những kiếp trước.

Luật Trời rất công bình từng ly từng tí.

Khuyên ai hãy ráng ăn ở hiền lành, và tu nhơn tích đức.

Lá số và kiếp vinh quang bao giờ cũng dành riêng cho người đức-hạnh.

NGUYỄN-VĂN-LƯƠNG

THÔNG - THIÊN - HỌC

Sửa đổi số mạng

Đổi số xấu ra tốt được không?

Xin trả lời : **Được**.

Sách Thánh-Hiền thường nói : **Đức năng thắng số**.

Nếu gặp phải lá số xấu hãy ráng làm theo phương-pháp duy nhứt như dưới đây : ăn cần ở kiệm, hiền lành và tu nhơn tích đức.

Được như vậy, dầu phải số nghèo cũng không thiếu hụt vì với người hiền luôn luôn được người giúp đỡ.

Đến ngày bị tai họa... có người cứu. Người đời và Thần Thánh cả thấy đều thương mến người đạo-đức.

NGUYỄN-VĂN-LƯƠNG

NHỮNG QUYỂN SÁCH RẤT CẦN THIẾT CHO NGƯỜI TÀM ĐẠO

Sách chữ Việt do ông NGUYỄN-VĂN-LƯỢNG dịch, viết và đề bán tại nhà thuốc Nhành Mai 24 Trần-khắc-Chân Tân-Định SAIGON.

1.— ĐỨC PHẬT HIỆN :

Tường thuật : mỗi năm, nhằm ngày Phật Đản, rằm tháng tư (âm lịch) Đức Thích-ca hiện xuống thế một lần, tại dãy núi Hy-mã Lạp-sơn. Ngài hiện trước mặt một số đông khách hành hương phàm tục. Lúc Đức Phật hiện có đủ mặt chư Tiên, Đại-Tiên, Đại-Thánh, Bồ-Tát trên Địa-cầu đến nghinh tiếp bằng một cuộc lễ tiếp rước Đức Phật vô cùng nghiêm trọng. Một chuyện thật đã có trên 2500 năm, và mới được phép tiết lộ ở thế kỷ 20 này.

2.— CHƠN-TIÊN và THÁNH-THÈ :

Tường thuật sự gặp gỡ : Tiên, Đại-Tiên, Bồ-Tát và cách giao tiếp thân mật với các Ngài. Chúng ta sẽ vô cùng ngạc nhiên mà được biết những Đấng Chí Thánh như Đức Di-Lạc Bồ-Tát, Đức Jésus hiện nay vẫn còn giữ xác phàm, và ở ẩn trên non cao, để giúp cho nhơn loại tiến hóa và thấu nhận đệ tử phàm tục. Thánh-thê và tôn nhan của Hai Ngài cùng các vị Tiên, Đại-Tiên, Đại-Thánh được miêu tả rõ từ chi tiết trong quyển sách này. Lạ lùng và vô cùng huyền bí.

3.— ĐỨC THẦY THẤU NHẬN ĐỆ TỬ :

Cách thức một Đại-Tiên (Thánh sư) thấu nhận Đệ tử phàm tục. Học trò Tiên đệ tử Tiên, chúng ta thường nghe truyện Tàu nói phớt qua, chớ không rõ các vị ấy được Thánh-sư (Thầy Tiên hay là Đức Thầy) thấu nhận và dạy dỗ cách nào. Tường thuật rõ trong quyển sách « Đức thầy thấu nhận đệ tử » để cống hiến cho bạn Đạo, một lớp màn thiêng-liêng huyền diệu trong lúc một Đại-Tiên thấu nhận đệ tử phàm tục.

4.— LỜI DẠY CỦA CHƠN SƯ :

Lời lẽ phi phàm của Thánh-sư (Đại-Tiên) khuyên dạy đệ tử phàm

tục. Lời siêu phàm với một sức cảm hóa phi thường. Hữu phước thay cho những ai được đọc đến nó trong quyển sách «Lời dạy của Chơn-sư».

5.— CON ĐƯỜNG ĐI ĐẾN CHƠN TIÊN :

Quyền này, đào tạo con người đến bậc Thánh-nhơn.

6. CON ĐƯỜNG GIẢI-THOÁT :

Phương-pháp tu-hành để được giải-thoát kiếp làm người đau khổ để trở thành một Đấng siêu-nhơn Phật-Thánh-Tiên.

7.— ĐỜI ĐÁNG YÊU HAY ĐÁNG CHÁN :

Do bảy đoàn thể Tôn-giáo : 1 — Phật-giáo, 2 — Cao-đài-giáo, 3 — Tịnh-độ Cư-sĩ, 4 — Phụ-nữ Phật-tử, 5 — Phật-giáo nguyên-thủy (Kỳ-viên). 6 — Minh-lý, 7 — Thông-thiên-học, đem hết sự hiểu biết cao siêu của mình mà luận-giải chung một vấn-đề : «Đời đáng yêu hay đáng chán».

NHỮNG SÁCH ĐANG IN :

- 1.— Con đường của người đệ-tử.
- 2.— Thông-Thiên-Học thuần-túy.
- 3.— Thông-Thiên-Học khái-lược.
- 4.— Trước thềm Thánh-Điện.
- 5.— Thông-Thiên-Học trích yếu.
- 6.— Thông-Thiên-Học trong 25 bài giảng giải.
- 7.— Đời sống Huyền bí của con người.
- 8.— Sự bí mật của đời sống.
- 9.— Con người và những thể của nó.
- 10.— Đạt-Ma (Dharma).
- 11.— Luân-hồi, Nhân quả, hy sinh.
- 12.— Ba con đường.
- 13.— Nhơn danh Sư phụ.
- 14.— Hoa và vườn.
- 15.— Những bài diễn văn của Đức Jinarajadasa.
- 16.— Con đường phụng sự.
- 17.— Người phụng sự.
- 18.— Những bước đầu tiên trên con đường Huyền bí học.

Những sách kê trên có bán tại Chi-Bộ Từ-Bi Thông-Thiên-Học số 462 đại lộ Võ-di-Nguy, Phú-Nhuận — SAIGON.

MỤC - LỤC

Thứ tự	ĐỀ BÀI	Trang
1	Vài lời kính cáo	1
2	Lời nói đầu	1
3	Sự tạo-lập vũ-trụ	3
4	Thái-cực	3
5	Lưỡng-nghi	4
6	Cách sanh-hóa mặt trời	4
7	Cách sanh-hóa mặt trăng	5
8	Sự tích của mặt trăng	5
9	Cách sanh-hóa địa-cầu	6
10	Trái đất có nhiều chỗ giống như con người . .	7
11	Ngũ-tạng của trái đất	7
12	Trái đất sanh con	8
13	Trái đất có bộ máy hô-hấp	8
14	Trái đất có bộ máy tuần-hườn	8
15	Trái đất đau	9
16	Trái đất già	9
17	Trái đất sẽ chết	10
18	Tứ tượng	10
19	Cách sanh sản của con người	11
20	Cách phân rang ngũ tạng và làm thành thể xác con người.	12
21	Còn hai chất âm-dương	13
22	Những bộ mạch	14
23	Đồ hình thân-thể con người là bầu trời đất nhỏ .	15
24	Chi nhánh lớn của ngũ tạng, ngũ quan . . .	17
25	Nhánh nhỏ của ngũ tạng	17
26	Năm ngón tay, ngón chân	18
27	Năm đằm trong bàn tay	18
28	Năm thứ phần	18

MỤC - LỤC

Thứ tự	ĐỀ BÀI	Trương
29	Mùi vị của ngũ-hành	19
30	Những tình-cảm và tư-tưởng làm tăng ngũ-hành, làm hư ngũ-tạng	19
31	Cách sanh-hóa cảm thú	20
32	Cây cỏ và sắt đá	20
33	Y-lý đông-phương	22
34	Tại sao ngũ-tạng không điều-hòa ngũ-khí không đầy đủ?	23
35	Đau mắt do ngũ-hành xung khắc	24
36	Xem mạch biết được ngũ-tạng đau	25
37	Cách trị bệnh.	25
38	Khoa châm cứu	26
39	Truyền nhơn điện	27
40	Khoa tử-vi.	28
41	Giải-thích khoa tử-vi Á-đông	29
42	Tên 108 vị sao và ảnh hưởng.	29
43	Bầu trời và hoàng đạo	34
44	Làm sao mà biết được vận mạng và tương lai.	35
45	Lá số (Horoscope) của người bị trời đánh	37
46	Trời đánh nhằm lúc nào.	38
47	Tại sao người sanh nhằm giờ có sao linh-tinh chiếu vào thì bị trời đánh.	38
48	Một lá số khác làm quan võ, tu hành	39
49	Mỗi lá số phân ra 12 cung.	40
50	Lá số thứ ba bàn cung thế thiếp.	42
51	Lá số thứ tư giải-cung Tài-bạch	44
52	Giải nguyên lá số	45
53	Vài lời bình luận	55
54	Ngũ hành và các thứ thuộc về ngũ hành.	59